

Số: 57/BC-UBND

Vĩnh Thuận, ngày 8 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội

1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên

Vị trí địa lý:

Huyện Vĩnh Thuận là huyện nằm cách trung tâm Thành phố Rạch Giá 80km đường bộ về hướng Đông Nam và cách TP Cà Mau 50 km về hướng Đông Bắc, là một trong bốn huyện thuộc vùng U Minh Thượng

***Toạ độ địa lý:**

- Từ 9°22' đến 10°42' vĩ độ Bắc
- Từ 105°3' đến 105°19' độ Kinh Đông.

*** Ranh giới hành chính được xác định như sau:**

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Gò Quao;
- Phía Nam giáp tỉnh Cà Mau;
- Phía Đông giáp tỉnh Bạc Liêu;
- Phía Tây và Tây Bắc giáp huyện U Minh Thượng.

Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 394,439 km², dân số năm 2019 là 81.875. người, mật độ dân số 208 người/km², được chia thành 08 đơn vị hành chính gồm thị trấn Vĩnh Thuận, và 07 xã Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Bình Minh, Tân Thuận, Phong Đông, Vĩnh Phong và Vĩnh Thuận. Đường bộ có tuyến Quốc lộ 63 nối từ Quốc lộ 61 từ Rạch Giá về Cà Mau, đường thủy có hệ thống kênh rạch chằng chịt, đặc biệt có tuyến Sông Xáng Chắc Băng nối liền hệ thống đường thủy từ Thành phố Hồ Chí Minh về Cà Mau đi ngang qua trung tâm huyện đã phần nào góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và tạo ra sự thông thương, vận chuyển hàng hoá từ huyện sang địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

Với vị trí địa lý và điều kiện giao thông thủy bộ như trên đã tạo điều kiện thuận lợi trong giao lưu trao đổi hàng hóa với các địa phương khác trong vùng và liên vùng, tạo ra những lợi thế nhất định cho huyện Vĩnh Thuận trong phát triển kinh tế - xã hội những năm tới.

Tuy nhiên do vị trí nằm ở vùng sâu, vùng xa, cuối nguồn nước nên gặp rất nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội.

Địa hình: Địa hình tương đối bằng phẳng, cao độ từ khoảng 0.2-0.8m so với mực nước biển, có thể chia làm 3 cấp sau

- Địa hình có cao độ từ 0.6-0.8m: Phân bố ở khu vực phía Bắc giáp sông Cái Lớn và khu vực phía Tây Nam giáp U Minh Thượng, diện tích khoảng 2.906ha, chiếm 16.7% diện tích tự nhiên. Nhờ địa thế địa hình cao nên có khả năng phòng chống được xâm nhập mặn vào đồng ruộng, nếu trữ được tốt nước ngọt thì có khả năng trồng 03 vụ lúa hoặc 02 vụ lúa – 01 vụ màu.

- Địa hình có cao độ từ 0.4-0.6m: Phân bố ở khu vực phía Nam của huyện, chủ yếu địa bàn xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong và thị trấn Vĩnh Thuận, diện tích khoảng 12.749 ha, chiếm 20.5% diện tích tự nhiên. Đây là vùng nước giữa triều Biển Tây qua sông Cái Lớn và triều biển Đông qua sông Ông Đốc và hệ thống kênh xáng ở Bạc Liêu nên thường xuyên nhiễm mặn trong thời gian dài, nếu kiểm soát tốt nguồn nước có thể phát triển mô hình nuôi tôm – lúa, tôm chuyên.

- Địa hình có cao độ từ 0.2-0.4m: phân bố ở khu vực trung tâm (02 bên kênh làng Thứ Bảy), có hướng thấp dần từ ngã Ba Cái Tàu vào nội đồng, nên khó tiêu thoát nước vào mùa mưa, diện tích khoảng 23.820ha, chiếm 62.8% diện tích tự nhiên. Hiện trạng sử dụng vùng đất này là lúa 02 vụ, cây lâu năm và tôm.

Khí hậu: Huyện Vĩnh Thuận thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng với hai mùa mưa nắng rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu vào khoảng tháng 5 và kết thúc vào đầu tháng 11. Vùng này ít có hiện tượng bão lụt. Hướng gió chủ yếu là hướng Tây Nam.

Phân bố dân cư: Huyện có tổng diện tích tự nhiên là 39.443,9 ha, được chia thành 08 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 07 xã và 01 thị trấn, có 50 ấp, 04 khu phố; có 22.547 hộ, với 81.875 khẩu, trong đó: dân tộc Kinh có 74.957 người, chiếm 91,55%; dân tộc Khmer có 43.034 người, chiếm 6,81%; dân tộc Hoa có 1.304 người, chiếm 1,59%; còn lại là dân tộc khác có 36 người, chiếm 0,05%; mật độ dân số 208 người/km². Đa số người dân sinh sống bằng nghề nông nghiệp, cư trú tập trung theo các cụm dân cư, dọc theo lộ giao thông và các kênh rạch.

1.2. Khái quát về đặc điểm kinh tế-xã hội

1.2.1. Về kinh tế:

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, tổng giá trị sản xuất một số ngành chủ yếu bình quân hằng năm tăng 10,3%, trong đó tỷ trọng nông nghiệp chiếm 46,33%, thương mại-dịch vụ chiếm 36,05%, công nghiệp - xây dựng chiếm 17,62%. Đời sống nhân dân không ngừng nâng lên, đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người 57,615 triệu đồng, tương đương 2.505 USD, tốc độ tăng bình quân 6,9% (so năm 2015).

- *Về nông nghiệp* có bước chuyển biến tích cực, thực hiện tốt tái cơ cấu ngành nông nghiệp; cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được tăng cường, cơ giới hóa hầu hết các khâu sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ phù hợp với từng vùng. Mô hình lúa-tôm, lúa-màu tiếp tục mang lại hiệu quả; xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP. Các loại rau màu, cây trồng phát triển, thị trường tiêu thụ ổn định. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển theo hộ gia đình, chủ động thực hiện các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa dịch bệnh.

Nuôi thủy sản tiếp tục phát triển mạnh, giá trị sản xuất chiếm 67,13% tỷ trọng ngành nông nghiệp; nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao như: tôm-cua, tôm-lúa, tôm xen canh (sú, còng xanh, thè); chuyển đổi, mở rộng diện tích đất nuôi tôm và các loại thủy sản theo quy hoạch; xây dựng cơ bản hoàn thành khu nuôi tôm công nghiệp kinh Hai Hăng-Vĩnh Phong.

- *Thương mại - dịch vụ* phát triển khá; hệ thống các chợ được quy hoạch, kêu gọi đầu tư chỉnh trang, xây dựng; quản lý kinh doanh, quản lý thị trường được tăng cường, hàng hóa đa dạng, phương thức cung ứng linh hoạt, lưu thông hàng hóa thông suốt, góp phần phát triển cả về quy mô và doanh số bán hàng. Hưởng ứng tốt cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, hàng năm phối hợp thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn. Dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa phát triển nhanh về phương tiện và khối lượng vận chuyển. Bưu chính, viễn thông tiếp tục được đầu tư hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của người dân.

- *Công nghiệp - xây dựng* tiếp tục phát triển, nhiều cơ sở, doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô, ứng dụng khoa học-công nghệ mới tăng năng suất, hiệu quả kinh doanh. Tập trung khôi phục, phát triển 01 làng nghề, 03 nghề truyền thống, góp phần giải quyết lao động nhàn rỗi, tăng thu nhập cho người dân. Một số sản phẩm chủ yếu, có thể mạnh được duy trì, xây dựng nhãn hiệu tập thể, sản phẩm đặc trưng của huyện như: tôm còng xanh, cua biển, dưa lê, khóm Ba Đình.

1.2.2. Về văn hóa-xã hội

Giáo dục và đào tạo có tiến bộ trên nhiều mặt; huy động tốt các nguồn lực xã hội để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên cơ bản đáp ứng đủ các cấp học, ngành học. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt kế hoạch đề ra. Chất lượng dạy và học được nâng lên, kết quả học sinh tốt nghiệp, lên lớp đúng thực chất hơn; học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hàng năm đạt khá cao (Năm 2016 đạt 94,45%, năm 2017 đạt 97,21%, năm 2018 đạt 99,1%, năm 2019 đạt 96,4%); học sinh đủ điểm sàn vào các trường đại học, cao đẳng bình quân đạt 77%. Duy trì huyện đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Công tác xã hội hoá giáo dục được các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng. Hội khuyến học từ huyện đến cơ sở được củng cố, duy trì hoạt động; làm tốt việc trao học bổng, khen thưởng học sinh và hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó học khá, giỏi. Trung

tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên mở rộng hình thức đào tạo, phối hợp tổ chức tốt các lớp ngoại ngữ, tin học, đại học, trung cấp, dạy nghề và bổ túc văn hóa.

- Hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao từng bước nâng lên chất lượng, thiết thực chào mừng các ngày lễ, tết, sự kiện chính trị của Đảng bộ và nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có bước phát triển và đạt kết quả tích cực. Quản lý nhà nước về hoạt động văn hoá và dịch vụ văn hoá được tăng cường. Duy trì các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát nhau nghe và hằng năm tổ chức liên hoan tiếng hát quê hương, đờn ca tài tử cấp huyện. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển khá, số người tham gia tập luyện thường xuyên chiếm 35% so dân số; một số môn thể thao có thế mạnh của huyện được đầu tư, tham gia các giải cấp tỉnh đạt thành tích cao (Tham gia hội khỏe phù đồng tỉnh đạt 02 huy chương vàng, 05 bạc, 09 đồng; giải đua thuyền rồng và vovinam tỉnh đạt 07 huy chương vàng, 03 bạc, 02 đồng; đại hội thể dục-thể thao tỉnh đạt 09 huy chương vàng, 05 bạc, 04 đồng). Quản lý, khai thác tốt khu di tích Ranh Hát và khu di tích căn cứ Tỉnh ủy ở Xẻo Gia.

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, mức hưởng thụ các dịch vụ y tế của nhân dân tăng lên; thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế đạt trên 96%; khám chữa bệnh cho nhân dân hằng năm đều đáp ứng tốt yêu cầu. Việc chuyển giao kỹ thuật và luân chuyển bác sĩ về các trạm y tế được tăng cường. Công tác phòng, chống dịch bệnh được thực hiện có hiệu quả; ý thức phòng bệnh, giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong cộng đồng có nâng lên. Dân số-gia đình-trẻ em có chuyển biến tiến bộ. Tích cực vận động nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hiện số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 1,77% lao động trong độ tuổi, bảo hiểm y tế chiếm 88% so dân số.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội; chi trả các chế độ, chính sách đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; quan tâm sửa chữa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, nhà cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Công tác đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm và giảm nghèo được thực hiện với nhiều biện pháp đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

2. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang; sự hỗ trợ, đầu tư của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện; sự năng động, sáng tạo của các ngành, các cấp và sự đồng thuận của nhân dân trong huyện. Đảng bộ và nhân dân huyện Vĩnh Thuận tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí hành

động, chủ động sáng tạo, tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, tập trung chỉ đạo thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; từ đó huyện Vĩnh Thuận đã đạt được nhiều thành tựu hết sức quan trọng trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Qua thời gian triển khai thực xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 đã tạo được sự chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, chất lượng hiệu quả hoạt động được nâng lên; Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt vai trò tại địa phương; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; công tác quốc phòng, quân sự địa phương được quan tâm chỉ đạo nâng lên về chất lượng và đi vào nề nếp, ... Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được đầu tư đã phát huy hiệu quả, ngày càng nhiều hộ nông dân tận dụng hết tiềm năng lợi thế đất đai, ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học kỹ vào sản xuất góp phần tăng năng suất, giảm chi phí đầu tư, tạo ra nhiều mô hình sản xuất hiệu quả. Nhiều ngành nghề công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ có bước phát triển. Công tác giáo dục, y tế, dạy nghề, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, môi trường, cảnh quan được nâng cao, bộ mặt nông thôn đã có bước thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội. Đảng ủy, UBND cùng với Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, Ban Lãnh đạo các cấp quán triệt sâu rộng từ trong nội bộ và quần chúng nhân dân, từ đó làm chuyển biến nhận thức và tác động mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực như: kinh tế tiếp tục phát triển, các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục phát huy, lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm, đời sống người dân không ngừng được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người hàng năm đều tăng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị từ huyện đến cơ sở thường xuyên phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền vận động hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW của Trung ương và Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy; Chương trình hành động của Huyện ủy về xây dựng nông thôn mới. Công tác vận động quần chúng được đa dạng hóa, hướng mạnh về cơ sở, mở rộng dân chủ, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc; chăm lo phát triển hội, đoàn viên, nâng cao chất lượng hoạt động. Thông qua các phong trào thi đua yêu nước, Mặt trận và các đoàn thể đã tổ chức nhiều hoạt động mang ý nghĩa thiết thực như: phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; ngày vì người nghèo; nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới; phụ nữ tích cực lao động, sáng tạo, học tập, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc; đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp, thanh niên làm theo lời Bác, Cựu chiến binh gương mẫu xứng danh Bộ đội cụ Hồ... Qua đó, tạo nên sự thống nhất, đồng thuận trong xã hội, đẩy lên tinh thần thi đua sôi nổi, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

3. Khó khăn

Vĩnh Thuận là huyện vùng xa, xuất phát điểm đi lên xây dựng nông thôn mới của huyện còn thấp, đặc biệt là hệ thống đường giao thông nông thôn, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường, ... cần nguồn lực đầu tư lớn. Công tác phối hợp tuyên truyền thiếu đồng bộ, làm cho người dân tiếp cận thông tin về các chủ trương, chính sách trong xây dựng nông thôn mới còn chậm và chưa đầy đủ; hạ tầng kỹ thuật xã hội trong huyện tuy được tập trung chỉ đạo đầu tư, nhưng chưa đồng bộ, nguồn vốn ngân sách Chương trình xây dựng nông thôn mới của Trung ương hỗ trợ cho huyện có hạn. Vốn các Chương trình, dự án khác của tỉnh đầu tư cho huyện chưa được nhiều, từ đó đã làm ảnh hưởng một phần đến công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Bình quân số tiêu chí cấp xã đạt được trước khi triển khai Chương trình 7,1/19 tiêu chí, trong đó: có 03/8 xã đạt 07/19 tiêu chí, 02/8 xã đạt 8/19 tiêu chí, 02/08 xã đạt 10/19 tiêu chí. Thu nhập bình quân đầu người thấp (năm 2010 là 21,681 triệu đồng/người/năm), tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn (năm 2010 là 14,95%), cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Một số địa phương thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới còn thiếu quyết liệt; việc tổ chức lồng ghép giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện còn thiếu tính đồng bộ; trình độ, năng lực cán bộ làm công tác hội ở cơ sở còn có mặt còn hạn chế so với yêu cầu, nhiệm vụ được giao; một bộ phận người dân, chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của mình trong xây dựng nông thôn mới.

Chương trình xây dựng nông thôn mới triển khai trên phạm vi rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng, trong khi kinh nghiệm, mô hình điểm để các địa phương học tập chưa nhiều, nên vừa làm vừa rút kinh nghiệm là chính; thời gian đầu thực hiện Chương trình một số địa phương còn lúng túng trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đa số các xã đều có xuất phát điểm thấp, số tiêu chí đạt được chưa cao, chưa vững chắc.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Văn bản Trung ương

Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Các văn bản của tỉnh Kiên Giang

Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 28/3/2011 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang về triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020;

Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 27/02/2013 của Tỉnh ủy Kiên Giang về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến 2020;

Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 25/3/2013 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

Quyết định 1857/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang;

Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 08/3/2016 của Tỉnh ủy Kiên Giang về thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020;

Quyết định số 41/QĐ-UBND, ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp – nông thôn gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 định hướng năm 2030;

Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 17/02/2017 của Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020;

Quyết định 362/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới;

Thông báo số 680-TB/TU ngày 19/4/2017 của Tỉnh ủy Kiên Giang thông báo kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU (khóa IX) của Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020;

Quyết định số 558/QĐ-UBND, ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh quy hoạch thủy lợi phục vụ nông nghiệp đến năm 2020 và định hướng năm 2030;

Quyết định 633/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

3. Các văn bản của huyện Vĩnh Thuận

Trên cơ sở tiếp thu quán triệt cao chủ trương, chính sách, văn bản của Trung ương, tỉnh, Huyện Vĩnh Thuận đã ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện như:

Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 23-6-2016 của Huyện ủy Vĩnh Thuận về xây dựng huyện nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 08/8/2016 của HĐND huyện Vĩnh Thuận về việc xây dựng huyện nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 11/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Thuận về thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về việc xây dựng huyện nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020;

Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017 – 2020.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Để chỉ đạo điều hành tốt công tác xây dựng nông thôn mới, huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Trên cơ sở Nghị quyết của Huyện ủy và Đề án xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2017 - 2020, UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể hóa triển khai thực hiện hàng năm sát với tình hình thực tế của huyện.

Hàng tuần Thường trực Huyện ủy làm việc với Thường trực UBND huyện, hàng quý chủ trì cuộc họp giao ban với các ngành huyện và Bí thư, Chủ tịch UBND các xã để nghe báo cáo tiến độ và chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các xã.

Trong thực hiện, phân công thành viên Ban Chỉ đạo huyện phụ trách địa bàn, thường xuyên làm việc với UBND các xã để đánh giá, rà soát các tiêu chí chưa hoàn thành, các hạng mục cần đầu tư, xác định nguồn vốn cần bổ sung để thực hiện đạt các tiêu chí, kịp thời chỉ đạo các ngành hỗ trợ các địa phương để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hàng năm xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết làm cơ sở triển khai thực hiện; qua đó làm tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nông thôn mới và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn

mới được hưởng ứng và tổ chức thực hiện nghiêm túc đem lại nhiều kết quả tích cực.

Trong chỉ đạo, huyện chọn hộ dân là gốc, mỗi việc gì cũng được hộ dân tích cực thực hiện. Từ đó, huyện đã vận dụng sáng tạo, ban hành và chỉ đạo cán bộ, nhân dân các xã thực hiện quyết liệt 15 phần việc hộ gia đình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt đi sâu vào việc đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, tăng thu nhập, chỉnh trang lại nhà cửa, hàng rào, sân vườn, xây dựng đời sống văn hóa và môi trường xanh - sạch - đẹp, nhằm làm đổi mới thật sự diện mạo xóm, ấp nông thôn theo tiêu chuẩn nông thôn mới, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Ngoài ra, huyện đã vận dụng sáng tạo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, huy động ngày công lao động từ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia xây dựng cầu, lộ nông thôn, từ đó chất lượng công trình không những được tăng lên, mà còn tiết kiệm giảm được chi phí đầu tư.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông

Huyện ủy, UBND huyện, Ban Chỉ đạo các CTMT quốc gia huyện, luôn xác định công tác tuyên truyền có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Thông qua công tác tuyên truyền, vận động nhằm từng bước nâng cao nhận thức cho nhân dân hiểu rõ vai trò, trách nhiệm của mình và cộng đồng là chủ thể xây dựng nông thôn mới, lấy nội lực làm căn bản, tự giác tham gia, sáng tạo trong tổ chức thực hiện. Lấy phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng thụ” làm mục tiêu định hướng cho các nội dung tuyên truyền vận động nhân dân xây dựng nông thôn mới. Các hình thức và nội dung trọng tâm tuyên truyền đa dạng phong phú, đó là:

- Hình thức:

+ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị của huyện tổ chức tuyên truyền, gắn với phát động các phong trào thi đua đến đoàn viên, hội viên và nhân dân, đồng thời vận động đoàn viên, hội viên tích cực xây dựng nông thôn mới ở khu dân cư.

+ Chỉ đạo các xã tổ chức các hội thi, qua đó nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức, trao đổi học tập, kinh nghiệm, giới thiệu những cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới.

+ Chỉ đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện phối hợp với Đài truyền thanh huyện tuyên truyền trên sóng phát thanh 3 buổi/tuần; xây dựng bảng tuyên truyền trực quan Panô, áp phích và in tờ rơi phân phát đến hộ gia đình, nhằm nâng cao ý thức, nhận thức cho nhân dân.

- Nội dung tuyên truyền:

+ Các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của Trung ương, của Tỉnh và Huyện.

+ Tuyên truyền phổ biến nguyên tắc và các bước tiến hành xây dựng nông thôn mới cho người dân hiểu về vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới. Hướng dẫn cho người dân tham gia xây dựng đề án và đồ án quy hoạch nông thôn mới.

+ Tuyên truyền hướng dẫn cho người dân về vai trò giám sát cộng đồng thông qua các buổi họp công khai minh bạch các khoản đóng góp hợp lý trong xây dựng nông thôn mới. Vận động thuyết phục nhân dân đóng góp các nguồn lực xã hội hóa xây dựng các tiêu chí như đường giao thông, điện sản xuất, nhà văn hóa...

+ Phổ biến tuyên truyền, nêu gương điển hình những tổ chức và cá nhân có nhiều đóng góp trong việc tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền về việc đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, chăm lo công tác an sinh xã hội, uống nước nhớ nguồn; tương thân tương ái, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương kỷ luật, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thuần phong mỹ tục trong nhân dân.

- Kết quả thực hiện:

+ Tổ chức được 428 cuộc tuyên truyền và hội nghị, có 12.335 lượt người tham dự, trong đó có 32 buổi Lễ phát động ra quân xây dựng nông thôn mới ở 2 cấp huyện, xã và các ấp trên địa bàn huyện.

+ BCD đã in và phát trên 40.000 tờ tuyên truyền những việc cần phải làm của xã, ấp, tổ nhân dân tự quản và của hộ gia đình bao gồm 16 việc xã cần phải làm, 12 việc ấp, tổ nhân dân tự quản cần phải làm và 15 việc hộ gia đình cần phải làm; phát 7.000 tờ bướm tuyên truyền nông thôn mới cho 7 xã, hàng trăm bài viết phát trên Đài truyền thanh huyện, làm mới 20 bảng tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới...

+ Xây dựng được 28 công chào, 122 panô, 108 bảng tuyên truyền.

+ Đài Truyền thanh huyện đã xây dựng phát sóng được 12.249 tin, bài về xây dựng nông thôn mới, đồng thời đăng trên cổng thông tin điện tử huyện trên 250 tin, bài.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp được 1.028 lượt cán bộ; trong đó 01 tiến sĩ, 22 thạc sĩ, 64 đại học, 08 trung cấp, 13 bác sĩ chuyên khoa I, II; lý luận chính trị: 28 cao cấp, 329 trung cấp, 469 sơ cấp; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 8.933 lượt cán bộ. Hiện nay cán bộ lãnh đạo, quản lý đạt chuẩn cấp huyện đạt 96,8%; cán bộ chủ chốt cấp xã đạt 92%; công chức huyện, xã đạt chuẩn 100%.

Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, nâng cao chất lượng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Trong 10 năm qua huyện đã phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 35 lớp tập huấn bồi

đường kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, thành viên Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới và cán bộ phụ trách nông thôn mới, Ban phát triển các ấp trên địa bàn các xã với 2.030 lượt cán bộ, nhân dân tham dự qua đó nhằm nâng cao năng lực vận dụng chủ trương, vận động nhân dân thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

3.1. Về huy động nguồn vốn

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm mục đích hoàn thành các tiêu chí, chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới, huyện Vĩnh Thuận đã vận dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, lồng ghép với nguồn vốn các chương trình mục tiêu, vốn vay tín dụng, doanh nghiệp, đặc biệt là nguồn huy động nhân dân đóng góp để bố trí theo hướng ưu tiên cho các nội dung trọng điểm của địa phương, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí đã thực hiện: 3.325 tỷ 754 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương 121 tỷ 132 triệu đồng, chiếm 3,64%;
- Ngân sách tỉnh 376 tỷ 903 triệu đồng, chiếm 11,33%;
- Ngân sách huyện 37.279 triệu đồng, chiếm 1,12%;
- Vốn vay tín dụng 2.715 tỷ 033 triệu đồng, chiếm 81,63%;
- Doanh nghiệp 19 tỷ 092 triệu đồng, chiếm 0,57%;
- Nhân dân đóng góp 56 tỷ 315 triệu đồng, chiếm 1,69%;

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 7 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 7/7 xã, đạt 100%.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 7/7 xã.

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

Về quy hoạch chung xây dựng xã: Việc tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới của 07 xã đã hoàn thành trong năm 2012. Đến năm 2020, huyện đã điều chỉnh lại đồ án quy hoạch của 7/7 xã cho phù hợp với điều kiện phát triển thực tế. Được sự quan tâm của Ban chỉ đạo NTM huyện nên sau khi các đồ án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các xã đã phối hợp với các ngành có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch đúng theo quy định, và hoàn thành cắm mốc chỉ giới xây dựng các công trình hạ tầng theo quy hoạch. Đồng thời Ủy ban nhân huyện đã ban hành quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, phê duyệt các đề án để thực hiện công tác đầu tư xây dựng phù hợp với quy

hoạch được duyệt.

Nhìn chung, chất lượng đồ án quy hoạch của các xã cơ bản đáp ứng được yêu cầu xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí Quốc gia và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương.

Đánh giá: 07/07 xã đạt tiêu chí về quy hoạch

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

- Tiêu chí 2: Về giao thông

+ Chỉ tiêu 2.1: Số Km đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa là 49,95km, đạt 100% (chuẩn 100%), đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Chỉ tiêu 2.2: Tỷ lệ Km đường đường xã, ấp liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn 07 xã gồm 92 tuyến với chiều dài 476,7 km, đạt 85,1%.

+ Chỉ tiêu 2.3: Tỷ lệ Km đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải trên địa bàn 07 xã gồm 28 tuyến với chiều dài 54,35 km, đạt 76%, tăng 38,85% so với năm 2015.

Tổng kinh phí đã thực hiện là: 186.007 triệu đồng. Trong đó ngân sách tỉnh 174.500 triệu đồng, vốn doanh nghiệp 10.324 triệu đồng, vốn huy động nhân dân đóng góp 1.115 triệu đồng, vốn khác 68 triệu đồng.

+ Chỉ tiêu 2.4: Đường nội đồng được cứng hóa: huyện không có quy hoạch thực hiện (chỉ tiêu không bắt buộc).

Đánh giá tiêu chí: Đạt

- Tiêu chí 3: Về Thủy lợi

+ Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động (chuẩn $\geq 80\%$): Diện tích đất sản xuất nông nghiệp của 07 xã là 33.385,74 ha. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động được là 30.162,61/33.385,74 ha, đạt 90,34%, cụ thể như sau:

STT	Tên xã	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha)	Diện tích được tưới tiêu chủ động (ha)	Tỷ lệ %
1	Xã Vĩnh Bình Bắc	7.581,26	6.625,79	87,4
2	Xã Vĩnh Bình Nam	4.235	3.815,3	90,09
3	Xã Bình Minh	2.686	2.544,44	94,73
4	Xã Vĩnh Thuận	4.621,98	4.165,36	90,12
5	Xã Tân Thuận	4.146	3.765,5	90,82
6	Xã Phong Đông	2.732,5	2.487,09	91,05
7	Xã Vĩnh Phong	7.383	6.759,13	91,55

+ Chỉ tiêu 3.2: Tỷ lệ công, đập trạm bơm điện được kiên cố hóa (chuẩn $\geq 70\%$): Giai đoạn 2011-2020 đã đầu tư xây dựng được 59/59 công kiên cố, 04 trạm bơm điện, bảo đảm tưới tiêu cho các hợp tác xã. Nạo vét 623,5 km kênh thủy lợi; đầu tư xây dựng 23,4 km hệ thống đê bao sông Cái Lớn, Cái Chanh ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đáp ứng yêu cầu tưới tiêu chủ động đảm bảo cho 1.614,61 ha đất sản xuất lúa 2 vụ và 28.548 ha đất nuôi thủy sản của huyện. Tổng nguồn vốn đầu tư cho xây dựng công, trạm bơm là 127 tỷ 962 triệu đồng. Kết quả sau quá trình thực hiện 7/7 xã có tỷ lệ công, đập trạm bơm được kiên cố hóa đạt 100%.

+ Chỉ tiêu 3.3: Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự của các xã được thành lập và kiện toàn theo quy định, có xây dựng quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo và thông báo phân công thành viên Ban chỉ đạo phụ trách từng lĩnh vực khi có tình huống xảy ra, hàng năm xã có xây dựng kế hoạch và phương án ứng phó với thiên tai.

Đánh giá tiêu chí: Đạt

- Tiêu chí 4: Về Điện

+ Chỉ tiêu 4.1: Hệ thống điện tại các xã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

+ Chỉ tiêu 4.2: Huyện đã tranh thủ với ngành điện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống truyền tải điện (lưới trung thế dài 561,184km, hạ thế dài 553,346km và 466 Trạm biến áp với công suất 29.095 KVA) đến tất cả các xã, ấp và chỉ đạo làm tốt mạch điện kế cho các hộ dân trên địa bàn huyện, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng, phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân.

Đối với những hộ dân cách xa trục đường điện, huyện hỗ trợ đường dây vận động nhân dân đổ trụ, mắc điện kế, đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. 07 xã có 19.227/19.577 hộ được sử dụng điện an toàn đạt 98,21%

Đánh giá tiêu chí: Đạt

- Tiêu chí 5: Về Trường học

Toàn huyện có 28 trường từ mẫu giáo đến THCS (7 trường mẫu giáo, 13 trường tiểu học, 4 trường TH&THCS, 4 trường THCS), và 2 trường THPT. Đến nay đã công nhận được 20/28 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 71,4%, 28/28 trường học có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ đạt 100% (chuẩn 70%).

Để đạt được kết quả trên UBND huyện đầu tư xây dựng và sửa chữa phòng học, trang bị thêm cơ sở vật chất theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Trong giai đoạn 2016-2020, kinh phí từ nguồn vốn trung hạn để sửa chữa 40 phòng học và xây mới 80 phòng là 67 tỉ 484 triệu đồng.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về trường học

- Tiêu chí 6: Về Cơ sở vật chất văn hóa

+ Chỉ tiêu 6.1: Việc xây dựng Trung tâm văn hóa – Thể thao, hội trường hoặc nhà văn hóa – thể thao đa năng đối với các xã đều đạt yêu cầu, có 7/7 xã triển khai xây dựng hoàn thành, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó xây mới nhà thể thao đa năng 4 xã (Vĩnh Phong, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Bình Minh), xây mới nhà làm việc 3 xã (Vĩnh Thuận, Tân Thuận, Phong Đông), xây dựng sân khấu ngoài trời 02 xã (Vĩnh Bình Nam và Tân Thuận) từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp với tổng số tiền là 13 tỷ 400 triệu đồng), cơ bản đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động phong trào ở cơ sở.

+ Chỉ tiêu 6.2: Qua công tác triển khai thực hiện và vận động xã hội hóa trong nhân dân, đến nay các xã đều có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định. Đồng thời hàng năm các xã đều có xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện về phòng chống đuối nước cho trẻ em.

+ Chỉ tiêu 6.3: Việc xây dựng trụ sở ấp gắn với Nhà văn hóa ấp thời gian qua được các ngành, các cấp quan tâm đầu tư xây dựng. Đến nay đã có 50/50 trụ sở Nhà văn hóa ấp được đầu tư xây dựng mới và sửa chữa (xây mới 32, sửa chữa 18) với tổng kinh phí là 12 tỷ 964 triệu đồng. Ngoài ra, nhằm duy trì và tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao các ấp đã phối hợp các địa điểm trường học, đình, chùa, đất dân,... đảm bảo tổ chức tốt các hoạt động nhân kỷ niệm các ngày lễ, tết.

Nhằm phát huy khai thác sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa tại các khu dân cư, cộng đồng trên địa bàn các xã. Hàng năm Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện có kế hoạch tổ chức các hoạt động như: Hội thi, hội diễn văn nghệ, các giải thể thao quần chúng cấp huyện, với hình thức tổ chức chia cụm, đưa vào các Trung tâm Văn hóa - Thể thao các xã tổ chức để phát động phong trào.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao các xã hàng năm có xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao ở cơ sở nhân kỷ niệm các ngày lễ, kỷ niệm, tết cổ truyền của dân tộc..., với hình thức, nội dung chất lượng ngày được nâng lên, thành lập được các CLB thể thao như: Võ thuật cổ truyền, Võ Taekwondo, Cầu lông, CLB văn nghệ Đờn ca tài tử... thường xuyên duy trì tập luyện và tổ chức thi đấu các giải thể thao, giao lưu, thi diễn văn nghệ quần chúng... Qua đó góp phần phát triển phong trào ở cơ sở, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Ngoài việc được đầu tư xây dựng các trụ sở Nhà văn hóa ấp phục vụ tốt cho việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, sinh hoạt văn nghệ..., nhân dân đã tham gia đầu tư xây dựng 8 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, các ấp đều có sân bóng chuyền thường xuyên duy trì tập luyện, góp phần phục vụ cho nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần và rèn luyện thân thể trong cán bộ nhân dân trên địa bàn.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về cơ sở vật chất văn hóa.

- Tiêu chí 7: Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

+ Huyện đã kêu gọi đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng các chợ xã theo quy hoạch, gồm: chợ xã Vĩnh Bình Nam và Vĩnh Bình Bắc với tổng kinh phí là 8 tỷ đồng (vốn doanh nghiệp) đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu mua, bán và trao đổi hàng hóa của nhân dân. Còn lại các xã Vĩnh Phong, Tân Thuận, Phong Đông, Bình Minh và Vĩnh Thuận mặc dù chưa xây dựng chợ, nhưng trên địa bàn các xã có nhiều điểm kinh doanh mua bán tập trung để nhân dân mua bán, trao đổi hàng hóa.

+ Các chợ xã đều có Ban quản lý, có tên chợ, có nội quy, có khu vệ sinh, có điểm giữ xe, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cân đối chứng, cấp nước sạch, thoát nước, rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

- Tiêu chí 8: Về Thông tin và truyền thông

Trên địa bàn 07 xã của huyện đều có ít nhất 01 điểm phục vụ bưu chính đảm bảo về cơ sở vật chất và đều có cung cấp các dịch vụ như: thư, gói, kiện hàng...; các xã đều có các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng (Viettel, Vinaphone, Mobifone...).

Huyện có 01 đài truyền thanh vô tuyến đáp ứng về truyền thanh, phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và sử dụng tần số vô tuyến điện. Hệ thống loa đang hoạt động của các xã được bố trí tại 50 ấp với 77 cụm loa được bố trí nơi đông dân cư.

Các xã đều có bố trí máy vi tính phục vụ công tác của cán bộ, công chức với hệ số trên 0,3. Có ứng dụng 2 phần mềm gồm: hệ thống quản lý văn bản và điều hành (hồ sơ công việc) và hệ thống thư điện tử chính thức. Ngoài ra huyện còn có trang thông tin điện tử phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về Thông tin và truyền thông

- Tiêu chí 9. Về Nhà ở dân cư

+ **Chỉ tiêu 9.1.** Trên địa bàn các xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.

+ Chỉ tiêu 9.2.

Huyện đã quan tâm, triển khai tốt các chương trình chính sách hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện nên đời sống người dân được tăng lên, hạ tầng nhà ở ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang đáp ứng cho đời sống sinh hoạt. Thực hiện lồng ghép các Chương trình hỗ trợ nhà ở đã hỗ trợ đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg, tổng số 1.309 căn, trong đó xây dựng mới: 663 căn, sửa chữa

646 căn; hỗ trợ xây mới nhà ở cho 573 hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, UBND huyện phối hợp với Ủy ban MTTQVN huyện đã tích cực vận động các cá nhân, doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh sửa chữa, xây mới, xóa nhà tạm, dột nát (giai đoạn 2016 - 2020: tổng số 489 căn, trong đó xây dựng mới: 476 căn, sửa chữa 13 căn). Đồng thời, cũng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ gia đình quan tâm, tự chỉnh trang sửa chữa, xây mới nhà ở đạt chuẩn theo quy định, tổng kinh phí đã thực hiện là 58.993 triệu đồng.

Trên địa bàn 07 xã của huyện Vĩnh Thuận có 16.222/19.427 hộ có nhà đạt chuẩn, chiếm tỷ lệ 83,5%. Trong đó tỷ lệ đạt thấp nhất là xã Vĩnh Thuận với 77,31% (2.700/3.492 hộ) và cao nhất là xã Vĩnh Bình Nam với tỷ lệ 98% (2.215/2.512 hộ).

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về nhà ở dân cư

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

2.3.1. Về sản xuất nông nghiệp:

Bằng nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ sản xuất để nâng cao thu nhập của người dân các ngành, các cấp đã tập trung chỉ đạo như:

- Về nông nghiệp, thủy sản:

Xác định nông nghiệp là một trong những thế mạnh của huyện, trong đó sản phẩm chủ lực là con tôm và cây lúa. Từ đó việc chỉ đạo phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; xác định các vùng sản xuất theo hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trên cơ sở đó bố trí hợp lý các loại cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với từng vùng. Kết quả Đến năm 2020 đã chuyển đổi 4.033 ha đất lúa 2 vụ kém hiệu quả và 1.678 ha đất cây trồng khác sang mô hình tôm – lúa, nâng giá trị sản xuất trên cùng đơn vị diện tích từ Huyện đã chỉ đạo tăng cường tập huấn chuyển giao khoa học - kỹ thuật cho nông dân, mở trên 90 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật- công nghệ, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong nông nghiệp, tư vấn về pháp lý, tổ chức trên 230 cuộc hội thảo, tọa đàm về cách thức sử dụng thuốc BVTV và biện pháp phòng trừ dịch hại, về quy trình canh tác các giống lúa cao sản và các giống lúa lai...có trên 5.000 nông dân tham dự, thực hiện nhiều mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống cho người dân: thực hiện 13 cách đồng mẫu lớn, tổng lúa 2 vụ, nuôi tôm lúa, diện tích 1.811,4 ha. Ngoài ra còn thực hiện các mô hình như: Nuôi tôm- lúa cộng đồng, nuôi cua thương phẩm, nuôi tôm càng xanh xen tôm sú, trồng rau, mô hình nuôi rắn, càng được ...

2.3.2. Về phát triển công nghiệp, ngành nghề nông thôn:

Phát huy các cơ sở sản xuất hiện có, mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ sản phẩm gắn với khôi phục, phát triển các làng nghề, ngành nghề truyền thống như đan lát, làm bún..., nhất là liên kết các cơ sở, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tạo đầu ra cho sản phẩm, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Bên cạnh phát triển sản xuất huyện còn tập trung làm tốt công tác dạy nghề, tạo việc làm, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao

thu nhập cho người lao động. Kết quả từ năm 2016 đến nay, phối hợp cùng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên trong và ngoài huyện, UBND các xã đã mở được 62 lớp nghề như: nghề nuôi tôm càng xanh, tôm lúa, trồng lúa kỹ thật cao, trồng rau mầm, đan lục bình, đan ghế từ dây nhựa, đan giỏ xách bằng dây nhựa giúp cho người lao động dễ dàng trong tìm kiếm việc làm, nâng cao đời sống.

Về phát triển kinh tế tập thể, thực hiện củng cố và xây dựng các mô hình hợp tác sản xuất: Toàn huyện hiện có 17 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp, tổng số 453 thành viên, bình quân 27 thành viên/HTX. Tổng vốn điều lệ của các HTX khoảng 3 tỷ 718,5 triệu đồng, bình quân 218 triệu đồng/HTX. Các HTX đã cấp giấy chứng nhận vốn góp cho các thành viên. Toàn bộ các HTX đã được chuyển đổi theo đúng Luật HTX năm 2012, được cấp giấy phép kinh doanh; lĩnh vực hoạt động chủ yếu của các HTX là sản xuất, chế biến nông, thủy sản, dịch vụ cung ứng giống, vật tư, cải tạo, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm.... Hầu hết các HTX sau khi thành lập đều hoạt động hiệu quả, kinh doanh có lãi.

Vận động nhân dân làm thủy lợi nội đồng: cải tạo mặt bằng đồng ruộng cho hơn 3.700 ha lúa 2 vụ, nạo vét mương vuông cho nuôi trồng thủy sản hơn 28.548 ha.

Bên cạnh phát triển sản xuất huyện còn tập trung làm tốt công tác dạy nghề, tạo việc làm, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, nâng cao thu nhập cho người lao động. Cuối năm 2015 GRDP bình quân đầu người đạt 41 triệu 250 ngàn đồng, năm 2020 thu nhập bình quân đầu người đạt 57 triệu 615 ngàn đồng. Những năm qua huyện luôn làm tốt công tác phân công tác giảm nghèo, huyện đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Nghị quyết, Đề án giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020. Thông qua các chương trình, dự án như hỗ trợ về bảo hiểm y tế, chương trình vay vốn hỗ trợ sản xuất, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, hỗ trợ xây dựng và sửa chữa nhà đại đoàn kết vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo sản xuất, kinh doanh, xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững ..., cuộc sống người dân được nâng lên và phát triển về mọi mặt. Đến tháng cuối năm 2020, hộ nghèo 07 xã có 527 hộ, tỷ lệ 2,75%, giảm 7,12% so với năm 2016.

- **Tiêu chí 10. Về thu nhập:** Xác định thu nhập chính của người dân là sản xuất nông nghiệp, đã tập trung chỉ đạo đồng bộ các giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp như triển khai chương trình cơ giới hóa, chương trình cánh đồng lớn, canh tác lúa theo “3 giảm 3 tăng”, chương trình nhân giống lúa, xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao gắn với cung cấp vật tư và bao tiêu sản phẩm,... để sản xuất giảm chi phí. Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn là 51,53 triệu đồng/người/năm (chuẩn 50 triệu).

Thu nhập bình quân đầu người của các xã năm 2020 trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị (xã)	Thu nhập bình quân/người/năm (triệu đồng)
1	Xã Vĩnh Bình Bắc	51,53
2	Xã Vĩnh Bình Nam	50,98
3	Xã Bình Minh	51,22
4	Xã Vĩnh Thuận	50,4
5	Xã Tân Thuận	51,63
6	Xã Phong Đông	50,04
7	Xã Vĩnh Phong	53,5

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về thu nhập

- Tiêu chí 11: Về Hộ nghèo:

Với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thực hiện hỗ trợ cho hộ nghèo như hỗ trợ về bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền điện thấp sáng, nhà ở, chương trình vay vốn hỗ trợ sản xuất, vay vốn cho học sinh, sinh viên, chương trình nước sạch, giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn thực hiện mô hình giảm nghèo bền vững, xây dựng đường giao thông nông thôn từ nguồn vốn vay của ngân hàng chính xã hội và vốn chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững... Từ năm 2016 đến nay đã giải ngân hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg là 592 căn với tổng số tiền là 17 tỷ 760 triệu đồng; vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo sản xuất, kinh doanh cho 1.936 hộ với tổng số dư nợ là 36 tỷ 243 triệu; giải quyết việc làm cho 236 hộ với tổng dư nợ 7 tỷ 104 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 8.951 lượt hộ nghèo với số tiền 3 tỷ 630 triệu đồng; xây dựng 5 mô hình giảm nghèo bền vững (duy trì nghề truyền thống về đan lát từ tre trúc, nuôi cá bóng tượng, nuôi gà nòi thương phẩm, nuôi tôm càng xanh...) cho 3 xã Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong và Phong Đông, đã hỗ trợ cho 53 hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo với tổng số vốn 395 triệu đồng; Ngoài ra, nhiều chương trình từ thiện như quỹ vì người nghèo, mạnh thường quân hỗ trợ gạo, tập sách, quần áo, xe đạp cho học sinh nghèo, tặng ti vi, đầu thu kỹ thuật số truyền hình mặt đất cho hộ nghèo thu nhập... lồng ghép từ chương trình xây dựng nông thôn mới đã xây dựng cầu, đường thông thương tạo điều kiện hàng hóa lưu thông dễ dàng, cuộc sống người dân được nâng lên và phát triển về mọi mặt. Trên địa bàn huyện đến tháng 12 năm 2020 có 576 hộ nghèo, tỷ lệ 2,53% giảm 7,77% so với cuối năm 2015. Trong đó, đến tháng 12/2020 tổng số hộ nghèo của 07 xã xây dựng nông thôn mới là 457 hộ nghèo, tỷ lệ 2,36% (giảm từ 1.936 hộ cuối năm 2015, tỷ lệ 9,78% xuống còn 457 hộ cuối năm 2020, tỷ lệ 2,36%). 7/7 xã đạt tỷ lệ hộ nghèo dưới 4%, cụ thể:

Stt	Đơn vị	Số hộ dân	Số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Xã Vĩnh Bình Bắc	4.211	109	2,59	
2	Xã Vĩnh Bình Nam	2.535	48	1,89	
3	Xã Bình Minh	1.590	47	2,96	
4	Xã Vĩnh Thuận	3.242	64	1,97	
5	Xã Tân Thuận	2.555	67	2,62	
6	Xã Phong Đông	1.434	42	2,93	
7	Xã Vĩnh Phong	3.764	80	2,13	

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về hộ nghèo.

- **Tiêu chí 12: Về tỷ lệ lao động có việc làm:** Phối hợp cùng Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động - TB&XH, các Hội đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động đi làm việc tại các công ty, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh. Từ năm 2016 đến năm 2020 đã giới thiệu việc làm cho 22.994 lượt lao động (trong đó: trong tỉnh 1.828 lượt lao động; ngoài tỉnh 21.161 lượt lao động; xuất khẩu 5 lao động).

Tổng số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn huyện là 40.367/42.229 lao động đạt 95,59%, đến nay đã có 7/7 xã đạt tiêu chí này, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Số lao động trong độ tuổi	Số lao động có việc làm thường xuyên	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Xã Vĩnh Bình Bắc	9.060	8.652	95,5	
2	Xã Vĩnh Bình Nam	5.666	5.411	95,5	
3	Xã Bình Minh	3.568	3.425	95,99	
4	Xã Vĩnh Thuận	7.045	6.763	96	
5	Xã Tân Thuận	5.463	5.217	95,5	
6	Xã Phong Đông	2.788	2.649	90	
7	Xã Vĩnh Phong	2.649	8.250	95,5	

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về Về tỷ lệ lao động có việc làm

- Tiêu chí 13: Về tổ chức sản xuất

+ **Chỉ tiêu 13.1.** Toàn huyện có 17 hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 với tổng số 453 thành viên, diện tích 915,97 ha, tổng vốn điều lệ của các Hợp tác xã là 3.718,5 triệu đồng. UBND huyện đã chỉ đạo nhân rộng mô hình kinh tế tập thể, mô hình cánh đồng

lớn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đặc biệt nuôi tôm, cây lúa, cây khóm, ... được xác định là cây trồng - thủy sản chủ lực của huyện, nên đã được quan tâm triển khai các chương trình phát triển sản xuất để thu hút các Cty, doanh nghiệp ký hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng năm.

+ **Chỉ tiêu 13.2.** Các HTX đều Hoạt động đúng theo Luật của HTX năm 2012 hoạt chủ yếu của HTX là cung ứng dịch vụ bơm tưới, cày xới, thu hoạch, làm giống, tôm, khóm, ... từ đó các tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng đồng bộ hơn vào sản xuất, giúp nông dân giảm chi phí, tăng lợi nhuận so với hộ cá thể bên ngoài. Một số HTX tham gia chương trình xây dựng cánh đồng lớn sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với các Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh mang lại hiệu quả cao (**Phong Đông: HTX Hiếu Phát; Vĩnh Phong: HTX Căn Cứ**), tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương luôn đạt hiệu quả cao, góp phần tham gia xây dựng nông thôn mới.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

- Về giáo dục:

Huyện thực hiện nhiều chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phân luồng học sinh. Quy mô, mạng lưới trường lớp tiếp tục được mở rộng và phát triển. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư ngày một khang trang, sạch đẹp, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu dạy và học, từ đó làm cho chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; nhiều tiêu chí về phổ cập giáo dục và xóa mù chữ đạt khá cao, có 20/28 cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia, có 28/28 cơ sở giáo dục có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, 100% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn trở lên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: 7/7 xã duy trì và tiếp tục công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 98,99%; trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt 95,4%.

- Xóa mù chữ: 7/7 xã được công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Dân số trong độ tuổi 15-60 tuổi biết chữ mức độ 2 đạt 94,63%.

- Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi: 7/7 xã duy trì và tiếp tục công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 95,03%;

- Phổ cập giáo dục THCS: có 7/7 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3. Thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 93,52%.

Huyện được UBND tỉnh công nhận duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 năm 2019

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề): 83,4%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: 49,01%

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về giáo dục

- **Về Y tế:** Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư; các chương trình y tế quốc gia được chỉ đạo thực hiện tốt. Đến nay, trên địa bàn huyện có 7/7 xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, trong đó có 7/7 Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi trên toàn huyện chiếm dưới 9%. Bên cạnh đó, ngành Y tế đã phối hợp với các ngành có liên quan, UBND các xã; đồng thời chỉ đạo các trạm y tế xã, tổ y tế ấp tăng cường tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 75,73% (61.439/81.128 người) năm 2015 lên 86,6% (64.463/74.477 người) năm 2019 đã góp phần cải thiện tình trạng sức khỏe cho người dân vùng nông thôn.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về y tế

- **Về Văn hóa:** Thường xuyên quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức về việc giữ gìn phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; tích cực tham gia thực hiện Chỉ thị số 27/1998/CT-TW, ngày 12/01/1998 của Bộ Chính trị về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, từ đó những phong tục, tập quán tiền bộ, lành mạnh có sự chuyển biến sâu sắc trong nhân dân; các hủ tục lạc hậu, mê tín, dị đoan, các lễ nghi không cần thiết từng bước loại bỏ, tích cực tham gia xây dựng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Để nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, những năm qua Ban Chỉ đạo huyện thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn, kịp thời kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban vận động các ấp, khu phố, các cơ quan, đơn vị; tổ chức thực hiện phải bám sát theo quy chế của BCĐ tỉnh. Đến nay toàn huyện có 21.670/22.187 hộ Gia đình văn hóa đạt 97,67%, 50/50 ấp văn hóa đạt 100%, 7/7 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 100%. Cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hóa: 94/97 đơn vị đạt 96,9%.

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về văn hóa

- **Về môi trường:** Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định

đạt $\geq 95\%$, trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia từ 65% trở lên:

Trong thời gian qua, huyện đã quan tâm đầu tư hệ thống nước sạch phục vụ tốt nhu cầu của người dân. Hiện nay huyện có 3 trạm cấp nước ở 02 xã Vĩnh Bình Bắc và Vĩnh Bình Nam, 01 trạm ở thị trấn và đang xây dựng 1 trạm liên xã Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Phong và đầu tư đường ống dẫn nước sạch từ trạm cấp nước Vĩnh Thuận cho nhân dân các xã lân cận như Vĩnh Phong, Tân Thuận, Vĩnh Thuận, Phong Đông và Bình Minh, đồng thời huyện tăng cường vận động dân dân đầu tư xây dựng bể xi măng, trang bị các bồn chứa nước sinh hoạt, chỉ đạo ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn khoan giếng nước được 1.343 hộ. Hiện nay, trên địa bàn 7 xã tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định đạt 67,82% tương đương 13.175/19.426 hộ, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định đạt 99,69% tương đương 19.367/19.426 hộ.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường (100%):

Toàn huyện có 269 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường, 100% các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đúng đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó:

- Có 265/265 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường cấp huyện đã được UBND huyện xác nhận;

- Có 4/4 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường cấp tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản: Có 06/06 cơ sở, các cơ sở này đều đã lập thủ tục hành chính về môi trường và thực hiện theo đúng các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo hồ sơ được duyệt, tỷ lệ 100%. Ngoài ra, trên địa bàn các xã còn có trên 11.000 hộ nuôi thủy sản bằng hình thức nuôi quảng canh cải tiến, không thuộc đối tượng thực hiện hồ sơ môi trường. Nước thải của các hộ nuôi thủy sản bằng hình thức nuôi quảng canh cải tiến được xử lý qua ao lắng và khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường bên ngoài. Đối với các hộ này địa phương đã yêu cầu cam kết đảm bảo vệ sinh môi trường cũng như các điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm, không sử dụng chất cấm trong nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ nhỏ lẻ (dịch vụ thương mại, buôn bán các sản phẩm, hàng hóa tiêu dùng, đồ gia dụng, nhà hàng ăn uống, nuôi trồng thủy sản hộ gia đình...) không thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường các địa phương quản lý, kiểm tra và giám sát thường xuyên theo thẩm quyền.

- Làng nghề: Trên địa bàn huyện có 01 làng nghề tiểu thủ công nghiệp đan ghé nhựa đã được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 24/12/2019. Làng nghề được UBND huyện Vĩnh Thuận phê duyệt phương án bảo vệ môi trường. Nghề truyền thống đan lát được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận là nghề truyền

thống theo Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 16/4/2016; nghề làm bún được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận là nghề truyền thống theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 24/12/2019; nghề làm tương, chao được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận là nghề truyền thống theo Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 tất cả các làng nghề truyền thống đều thực hiện quy định bảo vệ môi trường và không phát sinh chất thải rắn gây ô nhiễm. Riêng làng nghề tiểu thủ công nghiệp đan ghế nhựa tận dụng những sợi nhựa dư trong quá trình đan ghế sẽ được thu gom lại và tái chế tái sử dụng, làng nghề đan đất chủ yếu làm ra các vật dụng từ cây tre nên không phát sinh chất thải rắn gây ô nhiễm, phụ phẩm từ các công đoạn được người dân tận dụng dùng để đun nấu trong sinh hoạt hàng ngày

- Tình hình tổ chức triển khai nội dung các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ không lầy lội:

Huyện Vĩnh Thuận không có hoạt động gây suy giảm môi trường bên cạnh có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp. Hàng năm huyện tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường Thế Giới, ngày Nước Thế Giới, ngày Thế Giới Sạch Hơn, Tuần lễ Nước sạch và vệ sinh môi trường,... vận động nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng xây dựng đường làng, ngõ xóm sạch đẹp, cải tạo vườn tạp, trồng hàng rào cây xanh, trồng cây xanh, hoa kiểng, chỉnh trang dọn dẹp nhà cửa, thường xuyên ra quân làm vệ sinh, phát hoang bụi rậm, khơi thông cống rãnh tạo cảnh quan môi trường, xử lý tốt các điểm nóng ô nhiễm môi trường.

Huyện đã xây dựng và thực hiện hiệu quả các phong trào “Ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp”, “Ngày thứ 7 tình nguyện”, “Chiến dịch mùa hè xanh”

Ngoài ra UBND huyện cũng xây dựng kế hoạch thực hiện 18 tuyến đường hoa với khoảng 94 km các loại hoa như: Hoàng yến, Mười giờ, Dành dành, dừa cạn, bông trang..., trên địa bàn các xã người dân làm hàng rào cây xanh được 203,1 km để tạo vẻ mỹ quan cho huyện. Kết quả đến nay, 100% số xã đạt chỉ tiêu cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

+ Tỷ lệ hộ làm hàng rào trước cửa nhà: đạt 77,28%. Kinh phí do nhân dân tự xây dựng.

+ Tỷ lệ hộ làm đường vào nhà khô ráo, sạch sẽ: 85,21%. Kinh phí thực hiện do nhân dân đóng góp.

- Mai táng phù hợp với quy định và quy hoạch: Tiêu chí này theo phong tục tập quán địa phương nơi chôn cất người thân đa phần chôn cất phần đất gia đình. Huyện có 1 nghĩa trang nhân dân đảm bảo theo quy hoạch.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn:

Tình hình thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Trên địa bàn các xã được thu gom và có xe chở rác chuyên dụng chở về bãi rác tập trung của huyện, hiện tại thu gom được tuyến các chợ và các nơi mua bán tập trung ở các xã.

Ngoài ra một số tuyến chưa được thu gom thì tuyên truyền vận động nhân dân tự xử lý bằng các biện pháp như: tái sử dụng, ủ phân compost, xây dựng hố rác gia đình. Hiện 7/7 xã xây dựng được 15.483 hố rác gia đình hợp vệ sinh, tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt đạt 79,9%.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải sản xuất công nghiệp: Chất thải rắn sản xuất công nghiệp (thông thường): các cơ sở sản xuất – kinh doanh trên địa bàn huyện được thu gom và thuê đơn vị chức năng xử lý theo đúng quy định mà các cơ sở đã đăng ký cam kết trong cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải sản xuất nông nghiệp: Chất thải trong sản xuất nông nghiệp: trên địa bàn 7/7 xã đều có kế hoạch tuyên truyền cho nhân về tác hại của loại rác thải này ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và môi trường sinh thái. Lượng phụ phẩm chính phát sinh từ trong nông nghiệp là rơm, rạ, trấu với khối lượng khoảng 151,338 tấn/năm. Lượng phụ phẩm này được nông dân dùng máy cuộn rơm thành cuộn tròn phục vụ việc trồng nấm, hoa, cây cảnh,... cải thiện kinh tế và không gây ô nhiễm trường hoặc cản trở giao thông.

Tình hình thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Các xã phát động phong trào thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Huyện đã tập trung thực hiện tại các xã có diện tích sản xuất lúa 2 vụ như Vĩnh Bình Bắc, Tân Thuận với tổng số là 73 hố thu gom được bố trí tại các tuyến đường bộ, đường ra cánh đồng thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển và tập kết chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn nguy hại đối với toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Chất thải rắn y tế: Các cơ sở trên địa bàn các xã thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường đều đảm bảo được xác nhận và tuân thủ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ đã được phê duyệt như: Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, phân loại rác thải theo quy định, 100% rác thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý đúng quy định.

Các hộ dân trên địa bàn các xã thực hiện tốt phong trào “3 sạch” như sử dụng các loại bồn, lu, dụng cụ chứa nước để chứa nước sinh hoạt phục vụ ăn uống. Ngoài ra, Hội LHPN huyện còn tranh thủ vận động các công ty kinh doanh cầu tiêu tự hoại, bồn nước composite, bồn chứa nước cho Hội viên phụ nữ vay để thực hiện phong trào “3 sạch” do Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động; Ngân hàng Chính sách xã hội huyện cho các hộ dân vay vốn để thực hiện các công trình vệ sinh như: xây dựng nhà tắm, nhà tiêu, dụng cụ chứa nước sinh hoạt; Hội Chữ thập đỏ hàng năm được tổ chức Esperan tài trợ xây dựng hàng trăm giếng nước ngầm cho đồng bào nghèo, những khu vực thiếu nước hợp vệ sinh...

Hầu hết các hộ dân trên địa bàn huyện đều có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt 86,96% tương đương 16894/19426 hộ.

- Các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn chủ yếu ở quy mô nông hộ, nhỏ lẻ, biến động theo thị trường, đặc biệt do tình hình dịch tả heo Châu Phi năm 2019, số lượng hộ chăn nuôi giảm mạnh. Hiện tại, đến năm 2020, toàn huyện có 4.392 hộ chăn nuôi. Chuồng trại chăn nuôi được xây dựng cách biệt với nhà ở, khoảng cách bảo đảm phù hợp theo Công văn số 1290/TCMT-KSON ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Tổng cục Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm. Các hình thức xử lý ô nhiễm môi trường được các hộ dân thực hiện như xây hầm ủ, túi ủ Biogas, đệm lót sinh học, mô hình vườn – ao – chuồng, dùng chế phẩm sinh học ủ phân hữu cơ,... Nhìn chung, các hộ chăn nuôi đều xử lý chất thải sơ bộ trước khi thải ra môi trường.

- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (đạt 100%).

Trên địa bàn huyện có 7/7 xã có 4178/4178 đạt 100% Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

Đánh giá tiêu chí: 07/07 xã đạt tiêu chí về môi trường

2.5. Về xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

- **Về hệ thống chính trị:** Công tác đào tạo - bồi dưỡng được quan tâm và chú trọng, hàng năm UBND huyện xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức nhằm chuẩn hóa trình độ chuyên môn, chính trị, củng cố nguồn nhân lực và hoàn thiện bộ máy các cơ quan, đơn vị, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ thực tế tại địa phương, bên cạnh đó UBND huyện cử các cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo yêu cầu của cơ quan cấp trên. Có 175/175 cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Nội vụ, đạt 100%.

Các xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Trong những năm qua, huyện luôn quan tâm công tác xây dựng chính đồn Đảng, xây dựng bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh. Hàng năm qua đánh giá có 100% tổ chức chính trị của các xã đều đạt loại khá trở lên.

Trong năm 2018, có 07 xã, 01 thị trấn được UBND huyện ra Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó, gồm các xã Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Bình Nam, Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận, Tân Thuận, Bình Minh, Phong Đông. Riêng năm 2019, xã Phong Đông đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Báo cáo số 1358/BC-STP ngày 01/11/2019 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định tiêu chí 18.5 về xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật xã Phong Đông thuộc huyện Vĩnh Thuận.

Đến nay, 07 xã có 22/104 nữ là lãnh đạo chủ chốt ở xã, đạt tỷ lệ 21,15%. 100% phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu được hỗ trợ vay vốn ưu đãi. 7/7 xã không có trường hợp nào tảo hôn, cưỡng hôn và ép hôn. Đài truyền thanh huyện phát sóng trên loa phát thanh mỗi tháng 02 bài tuyên truyền

về Luật bình đẳng giới, trạm truyền thanh các xã tiếp sóng và tuyên truyền đến các ấp. 7/7 xã có mô hình mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng được thành lập tại Trạm Y tế các xã, ngoài ra có 50 ấp có thành lập địa điểm tạm lánh tại Trụ sở ấp.

Các đoàn thể đã phát huy tốt vai trò chức năng của từng tổ chức trong công tác xây dựng nông thôn mới, mỗi đoàn thể ở các xã đã phụ trách địa bàn, tuyến đường cụ thể để thực hiện công tác tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động nhân dân thực hiện các phong trào, đồng thời làm tốt công tác hòa giải những tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân ngay tại xóm ấp, vì vậy hạn chế được tình trạng khiếu kiện vượt cấp xảy ra, góp phần làm ổn định tình hình trên địa bàn trong thời gian qua.

Đánh giá tiêu chí: Đạt

- Về quốc phòng và an ninh

+ Về xây dựng lực lượng Dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu Quốc phòng:

Xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng: Lực lượng dân quân tự vệ ở 07 xã được xây dựng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,18% so với dân số. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ tiến hành chặt chẽ đúng theo quy định. Hàng năm, tổ chức lễ giao nhận quân cho các đơn vị bảo đảm đúng quy định, đạt chỉ tiêu 100%; chất lượng thanh niên nhập ngũ đảm bảo đủ các tiêu chuẩn; không có quân nhân đào ngũ, bỏ ngũ; không có khiếu nại, tố cáo, tiêu cực liên quan đến công tác tuyển quân.

Công tác động viên Quân đội: Thường xuyên thực hiện tốt các bước, đăng ký, quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng nguồn quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật đối với công tác động viên quân. Quân sự phối hợp với Công an xây dựng kế hoạch bảo vệ an toàn cho nhân dân đón tết Nguyên đán và kỷ niệm các ngày lễ lớn, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 1,12% so với dân số; công tác luyện tập, tập huấn, huấn luyện hàng năm đạt 100% kế hoạch, diễn tập khu vực phòng thủ xã đúng kế hoạch đảm bảo an toàn (14 lượt/7 xã). Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, nắm tình hình, quản lý địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh trên địa bàn.

Công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh: Trong các năm qua, Hội đồng giáo dục quốc phòng, an ninh xã được kiện toàn đúng, đủ thành phần, tổ chức hoạt động tốt. Công tác phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh toàn dân được chú trọng, thực hiện đạt hiệu quả cao. Hàng năm, có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng các đối tượng theo phân cấp, đạt 100% chỉ tiêu được giao.

Công tác xây dựng lực lượng sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập và duy trì các hoạt động của lực lượng Dân quân: Tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân đạt 100% chỉ tiêu; biên chế đúng, đủ thành phần; chất lượng chính trị, trình

độ học vấn, sức khỏe đảm bảo theo quy định. Công tác sẵn sàng chiến đấu được duy trì thường xuyên, nghiêm túc.

+ **Về an ninh và trật tự xã hội:** Hàng năm Đảng ủy các xã trên địa bàn huyện đều ban hành Nghị quyết, UBND các xã xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự và tiến hành triển khai ký cam kết, đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đến các hộ dân, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường trên địa bàn huyện; Tình hình mâu thuẫn, khiếu kiện: Tại các xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật; Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn huyện. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội hàng năm đều giảm so với các năm trước; Hàng năm các xã đều đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”; Lực lượng Công an xã được củng cố, kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng, hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có cá nhân nào vi phạm kỷ luật.

Năm 2020, toàn huyện có 8/8 xã, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự, đạt 100%.

Đánh giá tiêu chí: Đạt

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí 1 về Quy hoạch:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai.
- Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện Vĩnh Thuận có quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 theo Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 06/11/2019 của UBND huyện; có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt; Có Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; có quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Thuận đến năm 2020 theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 1 về Quy hoạch theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Tiêu chí 2 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Đường bộ: Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi

lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn. Tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%; cấp kỹ thuật của đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005 và phù hợp với quy hoạch được duyệt. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

- Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hoá phải đảm bảo các điều kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

- Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định của Bộ Giao thông vận tải tại Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 về việc phê duyệt chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020” để quy định cụ thể phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

*** Đường bộ**

- Có 07 tuyến đường huyện về trung tâm xã với tổng chiều dài 49,95km, rộng 3,5m, lề 0,75m, được nhựa hóa và hàng năm được duy tu sửa chữa đạt 100%. 120 tuyến đường giao thông nông thôn gồm: Đường xã, trục chính xã, đường ấp, nội đồng dài 531,05/654,8km, đạt 81%, đã bê tông hóa qui mô mặt đường 2- 3,5m, không lầy lội vào mùa mưa. Có 100% km đường huyện do huyện quản lý đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa, bê tông xi măng hóa đạt 100%.

- Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch.

- Có 100% km đường huyện do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

*** Đường thủy:**

Đường thủy nội địa do huyện quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Có 22 bến đò ngang được cấp phép phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa đảm bảo các điều kiện về an toàn.

** Vận tải:*

Huyện có 01 bến xe đạt loại 4 theo Quyết định số 163/QĐ-SGTVT ngày 24/7/2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang, có tuyến xe buýt đi, về từ huyện Vĩnh Thuận đến huyện Châu Thành (Kiên Giang); có bố trí điểm dừng, đỗ dọc theo tuyến đăng ký.

- Các văn bản của tỉnh đã ban hành: để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 về việc phê duyệt quy hoạch giao thông nông thôn huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 ban hành quy định quy mô về kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Kiên Giang.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 2 về Giao thông theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.3. Tiêu chí 3 về Thủy lợi:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

- Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững:

- Được thành lập theo quy định hiện hành;
- Quản lý khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hoà phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý;
- Thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi được duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Hằng năm hệ thống kênh mương, thủy lợi được đầu tư nạo vét, xây dựng từ các nguồn vốn: Cấp bù thủy lợi phí, vốn chống hạn và xâm nhập mặn, vốn chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa. Theo phân cấp quản lý đầu tư công trình thủy lợi thì kênh trục và kênh cấp 1 do trung ương quản lý đầu tư, kênh cấp 2 do tỉnh quản lý đầu tư, kênh cấp 3 vượt cấp do huyện quản lý đầu tư, kênh thủy nông nội đồng do xã quản lý, huy động nhân dân nạo vét.

Rà soát, đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng sản xuất đồng bộ gắn với phát triển giao thông, công trình thủy lợi ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng các công, kiểm soát xâm nhập mặn. Trong giai đoạn 2011 - 2020, đầu tư nạo vét 125 công trình kênh thủy lợi nội đồng, chiều dài 623,5km, 59/59 công điều tiết nước, 04 trạm bơm cho hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng hệ thống đê bao ven sông

Cái lớn từ giáp ranh xã Hòa Chánh huyện U Minh Thượng về đến vàm Chắc Bạng dài trên 16,9 km và đê bao sông Cái Chanh xã Phong Đông từ Vàm Chắc bạng đến xã Vĩnh Phong dài 6,5 km. Tổng nguồn vốn đầu tư 127 tỷ 962 triệu đồng; xây dựng bờ kè chống sạt lở được 1.156,9m.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi các xã đồng bộ theo quy hoạch, đảm bảo 100% nhu cầu nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

c) Đánh giá: Huyện đạt Tiêu chí 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.4. Tiêu chí 4 về Điện:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: Được sự quan tâm đầu tư của ngành điện, hàng năm các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng dẫn thực hiện của Công ty Điện lực Kiên Giang, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam, của Bộ Công Thương.

- Các nội dung đã thực hiện: Đầu tư, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa hệ thống điện đồng bộ từ huyện đến xã, Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát và đầu tư, cải tạo, sửa chữa lưới điện đảm bảo vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy định kỹ thuật điện nông thôn (QĐKT-ĐNT-2006), ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 08/12/2006 với 7 loại cấp điện phục vụ tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh và dân sinh.

- Khối lượng thực hiện: Phát triển 61 trạm biến áp; 91,908 km đường dây trung thế, Đến nay, Điện lực huyện đang quản lý 368,4 km đường dây trung thế; 566,35 km đường dây hạ thế; 392 trạm biến áp; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn chiếm tỷ lệ 98,21%.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 4 về Điện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.5. Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Bệnh viện huyện đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3; Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả.

- Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn.

* Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thuận được thành lập theo Quyết định số 2052/QĐ-UBND ngày 17/9/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang và hoạt động theo quy định tại Quyết định số 4311/QĐ-SYT ngày 02/10/2018 của Sở Y tế Kiên Giang; được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang công nhận xếp hạng II theo Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 với quy mô 300 giường theo chỉ tiêu giao.

- Về chức năng khám chữa bệnh: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị được đầu tư đồng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ khám chữa bệnh của người dân với quy mô 300 giường bệnh thực kê.

Cơ cấu tổ chức, số lượng và trình độ chuyên môn đội ngũ y, bác sĩ luôn đảm bảo theo quy định gồm: Khối điều trị tuyến huyện có 331 viên chức, người lao động: trong đó có 71 bác sĩ (BS chuyên khoa II: 5; BS chuyên khoa I: 17; BS định hướng chuyên khoa và đa khoa: 49); 140 y sĩ, điều dưỡng (trong đó đi học bác sĩ 24; Thạc sĩ: 4; Đại học: 43; còn lại là cao đẳng và trung cấp); 21 Hộ sinh (Thạc sĩ: 01; Đại học: 8; cao đẳng: 9; trung cấp: 3); 18 kỹ thuật viên (Đại học: 10; cao đẳng: 1; Trung cấp: 6); 35 dược sĩ (Chuyên khoa I: 5; đại học: 13; Cao đẳng: 4; Trung cấp: 13). Còn lại là các chức danh khác;

- Về chức năng dự phòng: Trung tâm Y tế huyện và Trạm Y tế các xã, thị trấn đều thực hiện tốt công tác y tế dự phòng, chủ động chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát hiện xử lý, dập tắt kịp thời dịch bệnh xảy ra trên địa bàn. Khối Dân số và Dự phòng có 38 viên chức, người lao động: trong đó có 3 bác sĩ (chuyên khoa I: 1; đa khoa: 2); 11 điều dưỡng, y sĩ; 2 Hộ sinh; 1 kỹ thuật viên; 3 dân số viên. Còn lại là các chức danh khác

- Trạm Y tế xã có 7 xã và 1 thị trấn có 63 viên chức, người lao động: trong đó có 4 bác sĩ làm việc thường xuyên tại 4 trạm y tế (và 4 bác sĩ làm việc luân phiên 3 trạm y tế 2 ngày/tuần); 32 y sĩ; 12 hộ sinh (Đại học: 3, cao đẳng: 3, trung cấp: 6); 8 dược sĩ (Đại học: 4, cao đẳng: 2, trung cấp: 2); Dân số viên: 7 và mạng lưới 71 tổ y tế ấp.

* Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện được đầu tư xây dựng đúng theo quy định, có cơ sở vật chất để tổ chức các sự kiện, các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao hiệu quả và có sự kết nối đồng bộ với các xã, thị trấn. Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền trực quan, hoạt động sự kiện, tuyên truyền lưu động, trung bình mỗi năm trên 12 cuộc, đồng thời là nơi thường xuyên tổ chức các hội thi, hội diễn, liên quan, triển lãm,... phục vụ tốt nhu cầu vui chơi, giải trí trong nhân dân. Tuy nhiên, các công trình thể dục thể thao như: Sân vận động, Nhà tập luyện thể thao chưa xây dựng (đang triển khai mặt bằng), Hội trường đa năng (trang bị bàn, ghế, âm thanh, ánh sáng; đạo cụ, trang phục...) do chưa được bố trí nguồn kinh phí để xây dựng.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển một cách rõ nét. Các hoạt động hội trại, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian, các cuộc hội thi, hội diễn ở các xã, thị trấn đã để lại trong lòng khán giả nhiều ấn tượng đẹp. Hướng ứng các ngày kỷ niệm lớn trong năm, Ngày sách Việt Nam,... đã nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc xây dựng và phát triển phong trào, xây dựng các Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, phong trào đọc sách, hướng tới xây dựng một xã hội học tập trong đời sống xã hội.

Phát động phong trào bơi lội phòng chống đuối nước trong trẻ em luôn được quan tâm, được trên đầu tư xây dựng 3 hồ bơi tại điểm trường Tiểu học và THCS Thị trấn, trường Mẫu giáo Thị trấn, Phong Đông nhằm giúp cho học sinh tham gia luyện tập kỹ năng bơi lội.

Cùng với các hoạt động do cơ quan, đơn vị tổ chức, các hình thức kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng cũng phát triển mạnh với số lượng lớn, đa dạng về ngành nghề như: dịch vụ truy cập Internet, kinh doanh cà phê, giải khát, karaoke, câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát nhau nghe... các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa đã và đang góp phần vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

* Huyện Vĩnh Thuận có 3 trường trung học phổ thông: trường THPT Vĩnh Thuận, trường THPT Vĩnh Bình Bắc, trường THPT Vĩnh Phong. Từ năm 2010 đến nay, các trường THPT trên địa bàn huyện đã tích cực đầu tư xây mới, cải tạo, tu bổ cơ sở vật chất, các phòng học, phòng học bộ môn, phòng chức năng, tăng cường các trang thiết bị, đồ dùng dạy học... đồng thời hoàn thiện các tiêu chuẩn của trường trung học đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

Tính đến ngày 31/12/2020 toàn huyện có 02/03 trường THPT đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt 66,66% (gồm trường THPT Vĩnh Thuận và trường THPT Vĩnh Bình Bắc), còn trường THPT Vĩnh Phong chưa đạt. Có 01 trường THPT Vĩnh Thuận được UBND tỉnh Kiên Giang công nhận và cấp Bằng công nhận trường THPT đạt chuẩn Quốc gia tại Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 03/03/2020.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.6. Tiêu chí 6 về Sản xuất:

a) Yêu cầu của tiêu chí: Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, hoặc có mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của huyện

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện đã thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện, hiện nay trên địa bàn huyện hình thành nhiều vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, cụ thể:

- Đối với sản xuất lúa: Diện tích sản xuất lúa 2 vụ khoảng 3.700ha, kết hợp với quy hoạch vùng lúa chất lượng cao, phát triển cây rau màu với mô hình 2 lúa – 1 màu, chuyên màu, kết hợp sinh thái vườn, trồng cây ăn trái phù hợp và đẩy mạnh chăn nuôi, nuôi thủy sản nước lợ, nước ngọt.

- Đối với sản xuất nuôi trồng thủy sản: Quy hoạch diện tích nuôi tôm đạt 28.548ha, trong đó: diện tích nuôi tôm – lúa là 14.880ha; nuôi thâm canh, bán thâm canh 200ha; nuôi tôm quảng canh cải tiến 13.468ha.

Huyện có nhiều mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ: Xây dựng cánh đồng mẫu lớn, sản xuất theo mô hình hàng hóa tập trung, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nhân dân: Xây dựng 13 cánh đồng lớn với diện tích 1.811,4ha và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm của nông dân. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất như: Nạo vét 125 công trình kênh thủy lợi, xây dựng 59 cống điều tiết nước, 23,4km đê bao chống nước biển dâng, 04 trạm bơm điện, xây dựng 17 Hợp tác xã, 108 Tổ hợp tác sản xuất, cung ứng dịch vụ sản xuất nông nghiệp. Hợp đồng thu mua sản phẩm trong sản xuất nông nghiệp giữa nông dân hoặc tổ chức đại diện của nông dân với doanh nghiệp, thời gian thực hiện từ 02 năm trở lên.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 6 về Sản xuất theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.7. Tiêu chí 7 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.
- Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

* UBND huyện ban hành Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 10/12/2019 về thu gom, quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện giai đoạn 2017 – 2020. Trong đó, có phân lộ trình thu gom, quản lý hàng năm. Hiện tại, trên địa bàn huyện đến nay đã tổ chức thu gom tại các chợ của 06/7 xã, thị trấn. Riêng xã Phong Đông không tổ chức thu gom được do xe chở rác chưa qua cầu, người dân chủ yếu đào hố chôn lấp hợp vệ sinh hoặc đốt. Trên địa bàn huyện có 01 đơn vị thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt là Ban quản lý Chợ với 01 xe ép rác chuyên dụng, tập kết tại các điểm tập kết rác thải trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Tình hình rác thải sinh hoạt của những hộ dân sống tại khu phố Vĩnh Phước 2, Vĩnh Đông 2, 01 phần Vĩnh Phước 1 khu vực thị trấn Vĩnh Thuận và các hộ dân tại tuyến Quốc lộ 63, khu vực chợ Ngã Sáu, Ngã Năm xã Bình Minh, chợ xã Vĩnh Bình Nam, khu vực chợ nổi ở xã Tân Thuận và chợ Đập Đá ở xã Vĩnh Thuận có xe thu gom rác, vận chuyển về bãi đổ rác tại ấp Bời Lời B, xã Bình Minh, Vĩnh Bình Bắc khối lượng thu gom khoảng 10,5 tấn/ngày. Do lượng mưa lớn và mực nước ngầm cao nên khả năng phát tán nước rỉ rác vào nguồn

nước ngầm và nước bề mặt là rất lớn. Hàng tuần có phun thuốc khử mùi tại bãi rác nên hạn chế mùi hôi phát tán xung quanh. Tuy nhiên vào mùa khô gió mạnh mùi hôi thổi bốc lên từ các chất thải đang trong quá trình phân hủy phát tán ra môi trường xung quanh gây ô nhiễm không khí ảnh hưởng sức khỏe của những hộ dân xung quanh khu vực. Những khu vực còn lại chưa có điều kiện thu gom tập trung thì các ngành, đoàn thể huyện, xã vận động nhân dân đào hố chôn lấp hợp vệ sinh, hoặc đốt để hạn chế rác thải được thải trực tiếp ra môi trường gây ô nhiễm, mất vệ mỹ quan.

Năm	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt							Tỷ lệ trung bình (%)
	Xã Vĩnh Phong	Xã Tân Thuận	Xã Bình Minh	Xã Vĩnh Bình Nam	Xã Vĩnh Thuận	Xã Vĩnh Bình Bắc	Xã Phong Đông	
2011	65,10	65,19	100	63.9	67	59,81	32.9	64.84
2012	67,29	67,26	100	65.7	68	61,01	38.4	66.8
2013	69,46	69,43	100	67.2	70	66,21	42.7	69.28
2014	70,85	70,82	100	69.8	70	69,56	52.2	71.89
2015	75,16	74,04	100	70.1	71	71,65	58.6	74.36
2016	77,29	76,65	100	72.4	72	72,72	58.1	75.59
2017	78,84	78,18	100	75.9	74	74,18	58.2	77.04
2018	80,41	79,75	100	77.2	74	75,66	56.7	77.67
2019	83,63	82,94	100	77.4	75	75,32	70.3	80.65
2020	86,92	88,75	100	78.1	76	76,03	77.7	83.35

- Đối với chất thải rắn xây dựng: chất thải rắn xây dựng được người dân tận dụng để san lấp mặt bằng, những khu vực trũng, thấp hoặc tận dụng bán phế liệu (nhựa, thùng carton,...).

- Đối với chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại: các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện đều có hợp đồng thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn, phụ phẩm trong nông nghiệp: Phụ phẩm phát sinh trong sản xuất nông nghiệp được người dân tận dụng bán cho thương lái để làm nấm rơm, thức ăn gia súc (trâu, bò) hoặc tái sử dụng làm phân bón hữu cơ.

- Đối với bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng: Các xã phát động phong trào thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Huyện đã tập trung thực hiện tại các xã có diện tích sản xuất lúa 2 vụ như Vĩnh Bình Bắc, Tân Thuận với tổng số là 172 hộ thu gom được bố trí tại các tuyến đường bộ, đường ra cánh đồng thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển và tập kết chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy

định của pháp luật về quản lý chất thải rắn nguy hại đối với toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Chất thải rắn y tế: Các cơ sở trên địa bàn các xã thuộc đối tượng thực hiện thủ tục môi trường đều đảm bảo được xác nhận và tuân thủ thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo hồ sơ đã được phê duyệt như: Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, phân loại rác thải theo quy định, 100% rác thải y tế nguy hại được thu gom và xử lý đúng quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Hội nông dân huyện, UBND các xã thường xuyên tuyên truyền nhân dân về tác hại của bao, gói thuốc BVTV sau sử dụng. Năm 2017 Phòng Nông nghiệp phát triển Nông thôn tổ chức thu gom, xử lý, đầu năm 2021 Phòng Tài nguyên & Môi trường hợp đồng công ty Môi trường Á Châu sẽ thu gom và xử lý đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch 05/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của liên bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao, gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- Đối với chất thải rắn y tế: Trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận có 01 Trung tâm Y tế huyện, 08 trạm y tế. Trung tâm y tế huyện đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Toàn bộ khối lượng chất thải y tế phát sinh tại các trạm y tế đều được thu gom về Trung tâm y tế huyện và xử lý bằng lò đốt chất thải nguy hại bảo đảm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 02:2012/BTNMT.

- Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện: Huyện được tỉnh đầu tư xây dựng 01 lò đốt rác tập tại ấp Bời Lời B, xã Bình Minh, công suất 600kg/giờ, với tổng vốn đầu tư 4,5 tỷ đồng. UBND Huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện đôn đốc đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng.

Lò đốt rác chưa hoạt động huyện có 01 bãi tập kết rác thải sinh hoạt được đầu tư - xây dựng từ năm 2006 hàng ngày tiếp nhận khoản 10 - 11 tấn rác. Khi lò đốt rác thải tập trung tại huyện hoạt động, toàn bộ lượng rác thải được thu gom tại huyện sẽ được vận chuyển, xử lý tại nhà máy này. Do đó, để hạn chế tác động của bãi rác đến môi trường cũng như đời sống hàng ngày của người dân, huyện tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp các hạng mục của bãi rác như: hàng rào xung quanh, đường vào bãi rác, các hố chứa rác có lót bạt chống thấm, hệ thống thu nước rỉ rác, tường rào xung quanh, phun, xịt chế phẩm khử mùi, trồng cây xanh để hạn chế ô nhiễm khi tập kết rác thải.

+ Trên địa bàn huyện không có lò đốt chất thải rắn công nghiệp.

+ Lò đốt chất thải rắn y tế: Trung tâm Y tế huyện có bố trí lò đốt chất thải rắn y tế đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo QCVN 02:2012/BTNMT, không sử dụng để đốt chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt.

+ Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt: Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt hộ gia đình được sử dụng để đốt chất thải tại những nơi không có xe thu gom rác thải. Bên cạnh đó, chất thải rắn trước khi đốt được phân loại thành chất thải rắn vô cơ, hữu



cơ. Không dùng để đốt chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn nguy hại.

* Về Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:

- Về thực hiện hồ sơ, thủ tục môi trường

Hiện tại, trên địa bàn huyện có 269 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đạt các yêu cầu về bảo vệ môi trường, 100% các cơ sở đều có các công trình, biện pháp xử lý chất thải đúng đảm bảo đạt các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó: Có 265/265 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường cấp huyện đã được UBND huyện xác nhận; Có 4/4 cơ sở thuộc đối tượng lập hồ sơ bảo vệ môi trường cấp tỉnh được UBND tỉnh phê duyệt (03 cơ sở thị trấn, 01 cơ sở ở xã Vĩnh Phong

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án BVMT chi tiết:

+ Cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản (269 cơ sở)

- Về các công trình, biện pháp hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường:

+ Trên địa bàn huyện có 06 chợ xã, tất cả các khu dân cư, chợ đều được bố trí hệ thống cống thu gom và xử lý sơ bộ nước thải trước khi thải ra môi trường, rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đúng theo quy định; người dân tại các khu dân cư, chợ đều có đầu tư xây dựng hầm tự hoại 3 ngăn, sau đó nước thải được đổ vào hệ thống cống thoát nước chung.

- Về bảo vệ môi trường làng nghề: Trên địa bàn huyện có 01 làng nghề Riêng làng nghề tiểu thủ công nghiệp đan ghế nhựa tận dụng những sợi nhựa dư trong quá trình đan ghế sẽ được thu gom lại và tái chế tái sử dụng, làng nghề đan lát chủ yếu làm ra các vật dụng từ cây tre nên không phát sinh chất thải rắn gây ô nhiễm, phụ phẩm từ các công đoạn được người dân tận dụng dùng để đun nấu trong sinh hoạt hàng ngày.

* **Đánh giá:** Huyện đạt tiêu chí 7 về Môi trường theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.8. Tiêu chí 8 về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Hằng năm Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

- Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

- Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Huyện ủy có xây dựng Nghị quyết chuyên đề, UBND huyện và Công an huyện có Kế hoạch triển khai thực hiện công tác đảm bảo an ninh, trật tự.

Huyện đã triển khai phương án phòng, chống biểu tình, gây rối, bạo loạn, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn huyện và tăng cường nắm tình hình, đấu tranh vô hiệu hóa với các hoạt động chống phá của các tổ chức phản động trong và ngoài nước; tham mưu giải quyết vấn đề tranh chấp khiếu kiện liên quan đến tôn giáo, dân tộc, khiếu kiện kéo dài. Có hồ sơ rà soát các mục tiêu, công trình quan trọng về kinh tế, văn hóa, quốc phòng, không xảy ra các vụ chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm so với năm liền kề: năm 2018 hình sự 45 vụ, xử phạt vi phạm hành chính 44 vụ, 152 đối tượng; năm 2019 hình sự 26 vụ, năm 2020 hình sự 25 vụ. Trên địa bàn không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Tuyên truyền vận động quần chúng tham gia đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy và xây dựng nông thôn mới. Thực hiện tốt các mô hình, nhân rộng và điển hình trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc như: Mô hình “Camera an ninh”, “Cổng rào an ninh trật tự”, “Đội dân phòng xe ôm phòng chống tội phạm”, “Loa tuyên truyền phòng chống tội phạm” góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn.

Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương. Năm 2019 Công an huyện Vĩnh Thuận đạt danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”, năm 2020 được tặng “cờ thi đua” của Bộ Công an. Đảng bộ quân sự huyện, chi bộ quân sự cấp xã duy trì tốt hoạt động, hàng năm được xếp “Trong sạch vững mạnh”.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 8 (về Đảm bảo an toàn an ninh, trật tự xã hội) theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

3.9. Tiêu chí 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

- Ban Chỉ đạo Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

- Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

b) Kết quả thực hiện chỉ tiêu:

* Ban Chỉ đạo huyện thường xuyên được kiện toàn, tổ chức và hoạt động đúng quy định. Thành viên Ban Chỉ đạo hiện nay được kiện toàn theo Quyết



định 3301/QĐ-UBND ngày 12/11/2020, gồm 41 thành viên do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng Ban và 04 Phó Trưởng Ban, trong đó 01 phó trưởng ban thường trực là Phó chủ tịch UBND huyện. Có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo huyện theo Quyết định số 1112A/QĐ-UBND ngày 08/3/2017.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện đã hướng dẫn các xã thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ thúc đẩy xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã; chỉ đạo thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản; kiểm tra thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong việc huy động đóng góp tiền của, công sức của nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới, tránh tình trạng huy động quá sức dân.

Trong quá trình thực hiện, Ban Chỉ đạo huyện đã tham mưu cho Huyện ủy phân công các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, cán bộ phụ trách, theo dõi và chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Huyện ủy về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của các xã đăng ký về đích; Phân công các đồng chí Trưởng phòng chuyên môn thuộc UBND huyện chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện các tiêu chí thuộc ngành mình phụ trách. Cụ thể như: ban hành Thông báo số 01/TB-BCĐ ngày 22/5/2017 về phân công thành viên phụ trách địa bàn các xã, Thông báo số 02/TB-BCĐ ngày 22/5/2017 về phân công các ngành hướng dẫn thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới.

* Văn phòng nông thôn mới huyện được thành lập theo quyết định 1482/QĐ-UBND ngày 02/06/2017 giúp việc cho Ban Chỉ đạo, có Quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên. Hiện nay, Văn phòng nông thôn mới huyện được kiện toàn theo Quyết định số 3121/QĐ-UBND ngày 17/11/2020 gồm 17 thành viên. Trong đó, Phó Chủ tịch UBND huyện làm Chánh Văn phòng và 01 Phó Chánh văn phòng là Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT cùng 16 thành viên là cán bộ của các ban, ngành có liên quan. Văn phòng nông thôn mới huyện được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định.

Sau khi đi vào hoạt động, Văn phòng nông thôn mới huyện đã thể hiện rõ được vai trò, hiệu quả trong công cuộc xây dựng nông thôn mới của huyện, như giúp Ban Chỉ đạo huyện xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát đánh giá đồng bộ, toàn diện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ; chuẩn bị tốt nội dung, chương trình cho các cuộc họp, hội nghị của Ban Chỉ đạo huyện. Cụ thể ban hành Thông báo số 03/TB-BCĐ ngày 02/8/2017 về phân công thành viên hướng dẫn, báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới.

c) Đánh giá: Huyện đạt tiêu chí 9 về chỉ đạo xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt làm được

Đạt được kết quả trên là nhờ sự quan tâm của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các ban, ngành tỉnh đã ban hành các chính sách, hướng dẫn, giúp cho huyện triển khai thực hiện chương trình một cách thuận lợi. Huyện ủy, HĐND đã ban hành Nghị quyết, UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM đến năm 2020 và cụ thể hàng năm. Định kỳ sơ kết, tổng kết (6 tháng, năm, 3 năm, 5 năm) để rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch thực hiện những năm tiếp theo. Chỉ đạo các ngành, đoàn thể huyện, xã xây dựng kế hoạch chuyên ngành từng giai đoạn và từng năm; bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình được thành lập đúng theo hướng dẫn của trên. Từ huyện đến xã, ấp đều có tổ chức chặt chẽ, đúng thành phần. Ban phát triển ấp, Ban giám sát cộng đồng được thành lập để phát huy dân chủ, tạo được sự đồng thuận cao của nhân dân.

Công tác tuyên truyền được xác định là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, đã được quán triệt sâu rộng trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở nắm vững nội dung, mục đích, ý nghĩa và giải pháp thực hiện Chương trình để nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Qua đó làm chuyển biến nhận thức về xây dựng NTM trong nhân dân với mục tiêu “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng*”. Xác định người dân chính là chủ thể xây dựng NTM.

Cấp ủy, UBND các xã xác định được tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng NTM nên đã chỉ đạo Mặt trận, đoàn thể, các ngành tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng và thực hiện tốt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, nhất là vận động đóng góp vốn xây dựng GTNT, nạo vét thủy lợi nội đồng, góp vốn tham gia HTX, THT, xây dựng trạm bơm nhằm giảm chi phí, nâng cao thu nhập cho Nhân dân.

Kết quả mang lại từ 05 năm qua có nhiều tiến bộ. Bộ mặt nông thôn ở các xã trên địa bàn huyện có nhiều thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, môi trường xanh, sạch, đẹp; an ninh xã hội được giữ vững, nhiều công trình đưa vào sử dụng đã phát huy tác dụng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Hàng năm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đều đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế nông thôn tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, nâng cao chất lượng - hiệu quả sản xuất, nhất là các sản phẩm thế mạnh của huyện (tôm, lúa, rau màu...). Sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đang đi đúng hướng, một số cây trồng, vật nuôi chuyển đổi có hiệu quả cao như: Dưa lê, tôm càng xanh, cua biển, cua đinh...

Thu nhập của người dân tăng cao, diện mạo xóm ấp nông thôn thật sự đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện và

nâng lên rõ nét. Xuất hiện nhiều mô hình sản xuất có thu nhập từ 130 đến 300 triệu đồng/ha, cao nhất là mô hình nuôi thủy sản kết hợp, mô hình 2 lúa - 1 màu ; thu nhập bình quân đầu người năm 2019 đạt 46,868 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo của huyện xuống còn 2,75%; toàn huyện 26/28 trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia (tính trên 7 xã), tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học lên đạt 91%; số hộ dân các xã sử dụng điện an toàn đạt 98,21%...

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn phát triển nhanh, nổi bật nhất là hệ thống đường giao thông (tuyến đường hoa, thắp sáng đường quê), trường học, các thiết chế văn hóa-thể thao, tạo ra diện mạo mới cho khu vực nông thôn.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao-quần chúng được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục ngày càng tăng, phổ cập giáo dục trung học cơ sở tiếp tục được duy trì ở tất cả các xã. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia BHYT ngày một tăng.

Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng hoàn thiện cả về chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng. An ninh, trật tự xã hội ở nông thôn tiếp tục được giữ vững và ổn định...

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những tồn tại, hạn chế chủ yếu

Mặc dù công tác xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và cả hệ thống chính trị tập trung chỉ đạo quyết liệt đã đạt được kết quả khá tốt. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu:

Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện tham mưu cho BCD huyện từng lúc, từng nơi chưa kịp thời, thiếu chủ động.

Một số ban, ngành cấp huyện chưa nghiên cứu sâu tiêu chí mình phụ trách để hướng dẫn xã thực hiện. Một số cấp ủy, chính quyền xã từng lúc thiếu sâu sát, xây dựng kế hoạch chưa cụ thể, chưa phân định rõ phần việc xã, ấp làm, phần việc vận động nhân dân thực hiện, có những tiêu chí xét đạt nhưng chất lượng không cao, chưa mang tính ổn định.

Công tác tuyên truyền có triển khai rộng ra dân với nhiều hình thức nhưng thiếu thường xuyên, chưa đi vào chiều sâu.

Một số xã còn lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch, sắp xếp lộ trình và xác định các biện pháp thực hiện các tiêu chí; lập đề án xây dựng xã NTM có mặt chưa sát với thực trạng kinh tế - xã hội, định hướng phát triển còn một số vấn đề chưa phù hợp.

Một số xã đạt chuẩn NTM có tâm lý thỏa mãn, dừng lại, cho nên chưa quyết tâm, quyết liệt để xây dựng kế hoạch nâng cao từng tiêu chí.

Công tác thông tin, báo cáo chưa kịp thời, còn chậm so với thời gian quy

định. Nội dung báo cáo không đầy đủ, chất lượng báo cáo không cao.

Việc sơ, tổng kết công tác xây dựng nông thôn mới của các xã chưa được quan tâm thực hiện.

2.2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Chương trình nông thôn mới triển khai thực hiện với sự nâng cấp, nâng cao chất lượng tiêu chí nhưng nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho chương trình còn hạn chế, nguồn vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia vào chương trình còn ít.

+ Xuất phát điểm kinh tế của các địa phương còn thấp, nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, rủi ro cao, giá cả hấp-bệnh; trình độ dân trí không đồng đều, thiếu tính năng động, sáng tạo nên chưa theo kịp với yêu cầu trong tình hình hiện nay.

+ Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp nông thôn còn ít. Việc huy động doanh nghiệp xã hội hóa vào chương trình rất khó khăn do hiệu quả kinh tế chưa cao.

- Nguyên nhân chủ quan:

Phòng Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực Văn phòng điều phối NTM huyện) nhiều việc, thiếu cán bộ, cán bộ phụ trách nông thôn mới huyện chủ yếu là kiêm nhiệm; cán bộ phụ trách nông thôn mới ở một số xã còn yếu.

Một số cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp huyện chưa quan tâm đúng mức trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, chưa thường xuyên theo dõi, hướng dẫn các xã thực hiện.

Một số xã chỉ đạo chưa quyết liệt, thiếu tập trung, có tâm lý trông chờ chỉ đạo của cấp trên, thiếu chủ động sáng tạo.

Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân còn hạn chế, chưa phát huy tính tự lực, tự cường, có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư từ ngân sách nhà nước.

+ Đề án, kế hoạch xây dựng có chất lượng, khả thi nhưng việc huy động nguồn lực chưa đáp ứng yêu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành quán triệt của chính quyền, sự phối hợp của các ngành và thành lập tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành tham mưu giúp việc tốt.

Thành lập bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận tham mưu giúp việc đúng thành phần, phù hợp với nội dung thực hiện; xây dựng nội quy, quy chế hoạt động thật chặt chẽ; phân công, giao trách nhiệm đúng chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ để phát huy sức

manh tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Hai là, phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân luôn được xem là giải pháp hàng đầu để nhân dân nhận thức rõ vai trò của mình trong xây dựng NTM (vừa là chủ thể, vừa là đối tượng hưởng thụ). Phải tuyên truyền và quán triệt sâu rộng trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở nắm vững nội dung, mục đích, ý nghĩa và giải pháp thực hiện Chương trình để nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong Đảng. Đồng thời phân định rõ vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng đoàn thể để chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện và phối hợp thực hiện đồng bộ.

Ba là, coi trọng chỉ đạo điểm và xây dựng mô hình

Lựa chọn những xã điểm có ưu thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội để xây dựng mô hình chỉ đạo điểm. Tổ chức hội nghị đánh giá mặt được và chưa được trong công tác chỉ đạo điều hành. Thông qua cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, tổ chức nhân rộng mô hình.

Bốn là, sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng

Thực hiện sơ kết, tổng kết theo định kỳ, kịp thời biểu dương, khen thưởng, động viên những cá nhân, tổ chức, hộ gia đình có nhiều đóng góp trong xây dựng NTM. Kết quả đạt được qua 5 năm thực hiện: Giấy khen UBND huyện có 36 tập thể, 123 cá nhân; Bằng khen của UBND tỉnh có 7 tập thể, 48 cá nhân; Bằng khen của Chính phủ có 01 tập thể. Qua đó khơi dậy ý chí, niềm tự hào và trách nhiệm của toàn xã hội trong phong trào xây dựng Nông thôn mới.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

1. Quan điểm

- Xác định huyện phấn đấu đến năm 2025 đạt huyện nông thôn mới nâng cao là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện.

- Xây dựng xã NTM nâng cao, kiểu mẫu huyện Vĩnh Thuận phải gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tăng cường đầu tư và thu hút các nguồn lực đầu tư, gắn với phát huy mạnh mẽ vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.

- Xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao xác định: nâng cao thu nhập, giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn, giữ gìn an ninh trật tự là những tiêu chí cần có kế hoạch chuyên đề thực hiện.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng tiêu chí xã, huyện nông thôn mới theo tiêu chí hiện hành. Xây dựng nông thôn mới huyện Vĩnh Thuận có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản, đồng bộ; cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, nâng cao giá trị, áp dụng công nghệ cao vào sản xuất; phát huy tốt quy hoạch vùng huyện, gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ - du lịch; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến năm 2025 huyện có 07 xã đạt chuẩn nâng cao và có ít nhất từ 01 xã trở lên đạt chuẩn kiểu mẫu theo quy định hiện hành. Huyện Vĩnh Thuận xây dựng kế hoạch và thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn huyện nâng cao.

- Về chỉ tiêu tập trung (theo quy định hiện hành của giai đoạn): Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng trên 1,2 lần so năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo dưới 2%; duy trì phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt từ 92% trở lên; duy trì 100% số ấp đạt chuẩn ấp văn hóa; hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, sử dụng nước sạch đạt trên 65%; 100% số xã có các tổ chức trong hệ thống chính trị đạt trong sạch, vững mạnh; các xã đều có an ninh, trật tự xã hội được giữ vững ổn định.

3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

3.1. Về quy hoạch

Tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch đã được phê duyệt, đồng thời rà soát, điều chỉnh bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ giữa các quy hoạch và nhu cầu thực tế địa phương. Đồng thời tổ chức thực hiện công tác rà soát tổng thể và thực hiện các bước điều chỉnh đồ án quy hoạch cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3.2. Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

3.2.1. Về giao thông: Tiếp tục thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp sửa chữa và đầu tư xây dựng mới các tuyến đường đảm bảo giao thông thông suốt, đáp ứng yêu cầu của nông thôn đô thị. Thường xuyên kiểm tra theo dõi, nhắc nhở các hộ dân không lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè làm nơi chất chứa những vật dụng, dựng lều trại mua bán, ... Tiếp tục rà soát, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông nông thôn đảm bảo từ 3m trở lên để tạo điều kiện cho người dân đi lại và lưu thông hàng hóa.

3.2.2. Về thủy lợi: Xây dựng kế hoạch duy tu, nạo vét hàng năm các công trình: thủy lợi, cống, đập, trạm bơm, đê bao, ... Thường xuyên kết hợp với đơn vị quản lý công trình cấp tỉnh xây dựng kế hoạch vận hành các công trình chủ động cấp và thoát nước phục vụ sản xuất được đảm bảo, đáp ứng yêu cầu sản



xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai.

3.2.3. Về điện: Thường xuyên kiểm tra, phát hoang cây xanh, sớm phát hiện và kế hoạch xử lý các khiếm khuyết trên lưới điện chưa đảm bảo kỹ thuật, có nguy cơ dẫn đến mất an toàn; Ban Quản lý các xã theo dõi kịp thời phát hiện trường hợp lưới điện xuống cấp và mất an toàn. Qua đó, kịp thời kiến nghị ngành điện khảo sát, lập kế hoạch sửa chữa, cải tạo để đảm bảo duy trì kết quả đã đạt được. Tiếp tục rà soát, bổ sung đầu tư hệ thống điện phục vụ sản xuất nông nghiệp nhất là các trạm bơm phục vụ bơm tát tập trung, nuôi thủy sản tôm-lúa. Phối hợp ngành điện đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch kéo điện cho các vùng lõm chưa có điện. Bên cạnh đó, quan tâm đầu tư phát triển hệ thống điện phục vụ cho nhu cầu sản xuất và nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện bị xuống cấp.

3.2.4. Về Trường học: Tranh thủ sự hỗ trợ của các ngành cấp tỉnh, đồng thời lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để xây dựng cơ sở vật chất trường đạt chuẩn Quốc gia, chuẩn cơ sở vật chất trên địa bàn huyện. Duy trì nề nếp tự học, tự rèn luyện trong đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ, nâng cao nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh phong trào xây dựng trường “xanh-sạch-đẹp” theo đúng lộ trình.

3.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa: Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí của các xã. Phát huy hiệu quả sử dụng các cơ sở vật chất văn hóa ở các địa phương; thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng yêu cầu của nhân dân trên địa bàn; lồng ghép và huy động các nguồn lực để sửa chữa, xây dựng mới một số trụ sở nhà văn hóa ấp, khu phố, các sân thể thao đã xuống cấp, ...

3.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Thường xuyên giám sát, tổ chức sắp xếp lại các hộ mua bán đúng nơi quy định. Cùng cố phát huy hiệu quả hoạt động Ban quản lý chợ; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm lấn chiếm vỉa hè, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; niêm yết công khai giá hàng hóa theo quy định. Quan tâm bảo quản cơ sở vật chất chợ, hệ thống điện nước, ... từng bước nâng chất chợ đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

3.2.7. Về Thông tin và Truyền thông: Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động bưu điện văn hóa xã đảm bảo các điểm phục vụ bưu chính khang trang, đầy đủ các trang thiết bị đúng theo quy định, nâng cấp chất lượng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông trong việc chuyển đổi công nghệ hướng tới Chính phủ điện tử, phát triển kinh tế số trên địa bàn. Đồng thời tập trung nâng cấp các đài truyền thanh cơ sở cũng như nhân lực trong việc xây dựng và biên tập chương trình ở địa phương. Tập trung chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn huyện nâng cao trình độ cũng như đảm bảo vật chất trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn huyện.

3.2.8. Về nhà ở dân cư: Tiếp tục phối hợp các đơn vị, tổ chức liên quan

thực hiện các Chương trình quốc gia về nhà ở như: nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, nhà đồng đội, ... để triển khai xây dựng nhà ở cho các đối tượng gặp khó khăn. Thường xuyên tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các hộ dân có điều kiện thực hiện tốt việc chỉnh trang nhà ở, sửa chữa nâng cao chất lượng nhà cây gỗ lâu bền, nhà 2 cứng thành nhà đạt chuẩn 3 cứng của Bộ xây dựng. Thường xuyên kiểm tra địa bàn kịp thời phát hiện các trường hợp xây dựng nhà trái phép, xử lý và nhắc nhở các trường hợp vi phạm, không để phát sinh nhà ở trên sông, kênh rạch

3.3. Về Kinh tế và tổ chức sản xuất:

3.3.1. Về Thu nhập: Tiếp tục rà soát quy hoạch, thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản phẩm, gắn với xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để nâng cao giá trị sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập trên cùng đơn vị diện tích. Duy trì, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả gắn với mạnh dạn chuyển đổi các loại cây trồng không phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển, mở rộng các mô hình sản xuất liên kết chuỗi, quy mô lớn, an toàn, chất lượng. Triển khai kế hoạch du lịch sinh thái vườn gắn với phát triển mô hình mỗi xã một sản phẩm đặc trưng (OCOP). Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ mới về giống, kỹ thuật nuôi, trồng và chế biến, bảo quản nông sản sau thu hoạch. Rà soát, đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hệ thống thủy lợi, cống, đập, đê bao, điện phục vụ sản xuất theo hướng chủ động.

Tập trung sản xuất tôm nuôi các loại, cây lúa, cây khóm, Dưa Hoàng kim, rau màu các loại theo vùng quy hoạch và tập trung sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ gắn với thị trường tiêu thụ. Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho các hàng hóa nông nghiệp chủ lực. Phát triển các mô hình nuôi tôm 2 giai đoạn, trồng rau màu công nghệ cao. Đẩy mạnh nuôi thủy sản theo hướng đa dạng hóa các loại hình nuôi phù hợp với đặc điểm tự nhiên của từng vùng quy hoạch như nuôi tôm-lúa, tôm-khóm tập trung, an toàn, mật độ cao và các loài thủy sản đặc trưng có giá trị kinh tế cao của huyện. Khuyến khích phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hộ gia đình và nuôi tập trung, trang trại theo hướng an toàn sinh học. Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và quản lý dịch bệnh, gắn với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3.3.2. Về hộ nghèo: Phân đầu duy trì hộ nghèo của 7/7 xã còn dưới 2%; tập trung thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ học nghề giải quyết việc làm cho người lao động, tạo điều kiện cho các hộ nghèo trực tiếp tham gia các chương trình phát triển kinh tế để thoát nghèo tăng thu nhập và từng bước nâng cao mức sống của người dân. Kết hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, các hội đoàn thể xét cho các hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao ý thức tự vươn lên thoát nghèo nhanh và bền vững.

3.3.3. Về lao động có việc làm: Tiếp tục rà soát nhu cầu lao động, phối



hợp với các Sở, ngành chức năng tổ chức tư vấn, định hướng đưa lao động đi làm việc trong tỉnh, ngoài tỉnh và ngoài nước. Tăng cường công tác mời gọi các nhà đầu tư vào cụm công nghiệp và mở các cơ sở sản xuất, kinh doanh để giải quyết cho lao động tại chỗ; tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn để tạo việc làm cho lao động nhân rỗi ở nông thôn. Quan tâm công tác đào tạo nghề nhằm nâng cao trình độ tay nghề và nâng cao chất lượng việc làm cho lao động ở địa phương để tăng thu nhập. Thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về giải quyết việc làm; trong đó chú trọng hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên, hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, chuyển dịch việc làm từ khu vực nông thôn, hỗ trợ tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế, nhất là lao động người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật.

3.3.4. Về tổ chức sản xuất: Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thực hiện liên kết giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ nông nghiệp đầu vào và chế biến, tiêu thụ nông sản. Tăng cường củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức kinh tế hợp tác; xây dựng, nhân rộng các hợp tác xã điểm, kiểu mẫu, khuyến khích các thành phần cùng tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể; đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể đối với các ngành, nghề, dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3.4. Về giáo dục-văn hóa-xã hội-môi trường

3.4.1. Về giáo dục: Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; thực hiện có hiệu quả chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác quản lý giáo dục, nâng cao chất lượng. Duy trì nề nếp tự học, tự rèn luyện trong đội ngũ giáo viên để không ngừng nâng cao trình độ, nâng cao nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh phong trào xây dựng trường “xanh - sạch - đẹp” theo đúng lộ trình. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: trẻ em 0-3 tuổi đạt 20%, trẻ 3-5 tuổi đạt 98%, tiểu học 99%, trung học cơ sở 98%, trung học phổ thông 80%. Giữ vững và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, đồng thời công nhận lại và công nhận mới 08 trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS được tiếp tục học (phổ thông, bổ túc, học nghề) hàng năm đạt 95% trở lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%. Chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân quan tâm việc học tập con em, không để bỏ học giữa chừng; tạo điều kiện cho những trường hợp khó khăn về tài chính để tiếp tục học phổ thông, bổ túc, học nghề...

3.4.2. Về y tế: Thực hiện tốt công tác CSSK cho nhân dân, kịp thời triển khai các biện pháp phòng, ngừa và dập tắt dịch bệnh. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân hàng năm tham gia các hình thức BHYT đạt từ 92% trở lên; chú trọng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và giáo dục, rèn luyện ý thức cho đội ngũ cán bộ ngành y, nâng cao chất lượng các dịch vụ khám, điều trị bệnh ở tuyến cơ sở, đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân;

quan tâm đầu tư phát triển y tế dự phòng, đảm bảo đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh. Tăng cường tuyên truyền về phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em bằng nhiều hình thức như: Phát thanh, băng gol, biểu ngữ, ...nhằm hạn chế tối đa trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi. Triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng trực tiếp cho phụ nữ mang thai, phụ nữ có con dưới 5 tuổi, tổ chức các buổi thực hành dinh dưỡng cho người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng.

3.4.3. Về văn hóa: Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa, nội dung phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, gắn với xây dựng nông thôn mới. Phần đầu hàng năm có 100% gia đình, ấp, khu phố, xã, thị trấn, cơ quan đơn vị đăng ký danh hiệu văn hóa và thực hiện tốt các tiêu chí văn hoá.

- Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Ban lãnh đạo ấp, khu phố tăng cường tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Ban Chỉ đạo xã có kế hoạch nâng cao chất lượng phong trào ngày đi vào chiều sâu.

- Kịp thời củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp; phối hợp chặt chẽ với Mặt trận, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức triển khai đồng bộ các biện pháp thực hiện phong trào; có phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tham gia chỉ đạo cơ sở.

- Ban Chỉ đạo, Văn phòng Thường trực BCD thực hiện chặt chẽ công tác thẩm định, kiểm tra, bình xét và công nhận các danh hiệu văn hóa theo thẩm quyền; việc công nhận các danh hiệu văn hoá phải đảm bảo đúng theo tiêu chí, tiêu chuẩn và thang điểm, quy trình hướng dẫn của cấp trên; không chạy theo thành tích và số lượng; phải tập trung nâng cao chất lượng gia đình văn hóa; ấp, khu phố văn hoá; cơ quan, đơn vị văn hóa. Đồng thời mạnh dạn rút khỏi danh sách đối với hộ gia đình, ấp, khu phố, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, vi phạm các tiêu chuẩn văn hóa.

- Huy động mọi nguồn lực cho việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa
- thể thao cơ sở, góp phần phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Phần đầu 10/10 xã đều có cơ sở vật chất như: sân bóng đá, bóng chuyền, có đội nhóm văn nghệ, câu lạc bộ đàn ca tài tử; các xã có đông đồng bào dân tộc Khmer cần phải duy trì hoạt động của các đội văn nghệ Khmer. Quan tâm đầu tư hỗ trợ sửa chữa, đóng mới ghe ngo cho các chùa để tham gia thi đấu tốt các giải trong và ngoài huyện tổ chức; đặc biệt là giải đua ghe ngo lễ hội Okombok hàng năm; duy trì và phát huy các môn thể thao là thế mạnh của huyện như: ghe ngo, thuyền rồng, bóng đá, bóng chuyền, đẩy gậy, võ thuật, ...

- Tăng cường công tác chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện phong trào của BCD, Ban Vận động các cấp; chú trọng, nhân rộng gương điển hình người tốt, việc tốt; duy trì họp mặt gia đình văn hóa tiêu biểu nhân dịp ngày 18/11 hàng năm.

3.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm: Tiếp tục làm tốt công tác

tuyên truyền, giáo dục các chủ chương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, trong đó chú trọng tập trung tuyên truyền làm cho mỗi cán bộ công chức, viên chức và mỗi người dân nhận thức sâu sắc tiêu chí về môi trường, 15 phần việc hộ gia đình nông thôn mới mà đặc biệt là 06 phần việc trong tiêu chí môi trường, thường xuyên phối hợp với các tổ chức đoàn thể, trường học; mít tinh ra quân trồng cây xanh, làm vệ sinh nơi công cộng nhân các ngày lễ như: Ngày nước thế giới, Giờ Trái đất; Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; dùng Panô, biểu ngữ, ... nhằm nâng cao nhận thức chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Các ngành, UBND các xã phát huy vai trò thủ trưởng cơ quan trong việc thực hiện có hiệu quả về bảo vệ môi trường; tích cực cùng với nhân dân trồng, bảo vệ, chăm sóc cây xanh khu vực cơ quan, các tuyến đường huyện xã, xóm ấp nhằm cải thiện chất lượng không khí, tạo cảnh quan thoáng mát; xanh-sạch-đẹp; đoàn viên thanh niên, hội viên của các đoàn thể đến tận từng hộ gia đình để vận động, giúp đỡ, hướng dẫn việc thực hiện các phần việc hộ gia đình nông thôn như làm hàng rào, đào hố xử lý rác, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, ...

- Đẩy mạnh phát động, vận động sâu rộng trong cán bộ và nhân dân từ huyện đến xã, ấp, tổ nhân dân tự quản, từng hộ nhân dân viết bản đăng ký xây dựng lối sống gần gũi với thiên nhiên; có ý thức bảo vệ môi trường; nơi làm việc, nơi cư trú phải xanh-sạch-đẹp đạt tiêu chí hộ gia đình nông thôn mới, đơn vị văn minh.

- Phối hợp với Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh kêu gọi đầu tư để nâng cấp, đầu tư xây dựng mới các trạm cấp nước cung cấp nước sạch cho người dân ở các chợ, các cụm và tuyến dân cư tập trung. Thường xuyên làm tốt công tác phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm như các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt, xác nhận (báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường), sau đó mới triển khai thực hiện. Phát động phong trào đoàn viên thanh niên, ban lãnh đạo ấp, tổ nhân dân tự quản định kỳ tổ chức dọn vệ sinh, phát hoang cây cối, làm cỏ dọc theo các tuyến đường, khai thông cống rãnh,... trồng thêm cây xanh nơi công cộng, đường giao thông, các trục đường và các nơi chưa đảm bảo độ che phủ trên địa bàn. Tiếp tục vận động nhân dân phát hoang bụi rậm, cây cối trên các đoạn đường thuộc phần đất mình quản lý, sử dụng, thường xuyên cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào, cổng ngõ khang trang, sạch đẹp. Thực hiện nạo vét làm thông thoáng, làm sạch các kênh, ao, hồ tạo cảnh quan đẹp và điều hoà sinh thái.

- Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về môi trường đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh như: chăn nuôi, chế biến thực phẩm, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, kinh doanh phế liệu. Đối với các cơ sở này bắt buộc lập, đăng ký và thực hiện đúng nội dung đăng ký thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường (kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường). Thường xuyên

tổ chức kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã đăng ký, nếu cơ sở có hành vi gây ô nhiễm môi trường sẽ bị xử lý theo quy định. Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

- Các chợ, khu dân cư tập trung, nơi chưa có hệ thống xử lý nước thải, tiếp tục tranh thủ vốn để xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước sau xử lý thải ra môi trường đạt chuẩn theo quy định; tăng cường thu gom, vận chuyển rác thải tại các chợ xã và khu dân cư; đối với những khu vực xe không thu gom được thì vận động hộ gia đình tự đào hố chôn lấp rác, tiếp tục nghiên cứu, thiết kế mô hình hố rác hộ gia đình phù hợp với điều kiện địa phương. Tuyên truyền trong nhân dân có ý thức bảo vệ môi trường nông thôn như: không vứt rác xuống sông, kênh, rạch. Vận động các tổ chức, mạnh thường quân hỗ trợ, Ngân hàng chính sách xã hội cho hộ nghèo, cận nghèo vay vốn ưu đãi để thực hiện xây dựng nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng nghĩa trang nhân dân ở các xã, thị trấn; đồng thời nghiên cứu mô hình nghĩa trang liên xã, mở rộng các nghĩa trang hiện hữu, khuyến khích thực hiện mô hình hỏa táng như hỏa táng tại các lò của Chùa Khmer. Những nơi chưa quy hoạch nghĩa trang thì người dân mai táng người chết theo tập tục chôn cất tại đất nhà bảo đảm hợp vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường.

- Vận dụng linh hoạt các nguồn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để xét duyệt cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn xây dựng các công trình hợp vệ sinh như: khoan giếng nước, mua dụng cụ chứa nước; huy động tối đa các nguồn vốn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, các tổ chức, mạnh thường quân và vốn của dân để đầu tư, hỗ trợ xây dựng các trạm cấp nước, khoan giếng nước ngầm, xây dựng các công trình vệ sinh xây dựng nhà tắm, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

- Thực hiện các hoạt động truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao kiến thức, thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm và ý thức trách nhiệm của người sản xuất, người kinh doanh, người tiêu dùng và người quản lý để tạo ra một môi trường thực phẩm chất lượng, an toàn cho người tiêu dùng. Thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm vệ sinh thực phẩm, qua đó phát hiện, xử lý các cơ sở không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định.

3.5. Về hệ thống chính trị

3.5.1. Về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; chú trọng xây dựng đảng bộ, các tổ chức chính trị - xã hội trong sạch, vững mạnh; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; đảm bảo và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; đặc biệt là người nghèo và các đối tượng chính sách có thể tiếp cận thể chế chính sách, các phương tiện hỗ trợ pháp lý để bảo vệ thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình; làm tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực



của gia đình và đời sống xã hội, không để xảy ra tình trạng tảo hôn, xây dựng địa chỉ tin cậy-nhà tạm lánh tin cậy.

3.5.2. Về quốc phòng và an ninh: Tổ chức tuyên truyền, triển khai các văn bản về luật giáo dục quốc phòng và an ninh, Luật An ninh mạng, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Dân quân tự vệ trong dân và xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng. Thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ thực sự mạnh cả về chất và tư tưởng chính trị. Giữ vững an ninh chính trị-trật tự an toàn xã hội; Tuyên truyền triển khai các văn bản về an toàn giao thông trong dân và xây dựng kế hoạch đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn nhằm hạn chế mức thấp nhất tai nạn giao thông. Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng Công an, tổ tự quản, lực lượng Dân phòng; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn huyện, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh và nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các ngành cấp huyện, UBND các xã căn cứ vào nhiệm vụ nêu trên xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình và điều kiện thực tế để chỉ đạo thực hiện đạt và vượt kế hoạch đề ra.

2. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện chủ trì và phối hợp với các ngành liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, các giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình gửi về UBND huyện và Ban chỉ đạo; đồng thời đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và tham mưu báo cáo tình hình thực hiện chương trình.

3. Căn cứ vào kế hoạch, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ động, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cân đối, phân bổ nguồn lực, xác định vốn từ ngân sách đối với từng nhiệm vụ cụ thể; đồng thời chịu trách nhiệm hướng dẫn cơ chế tài chính phù hợp với các đề án, dự án của chương trình; giám sát chi tiêu; tổng hợp quyết toán kinh phí chương trình.

4. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam huyện chủ trì, phối hợp với các đoàn thể của huyện tiếp tục triển khai sâu rộng chương trình nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới đến các đoàn thể xã cũng như đoàn viên, hội viên của mình. Đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến, vận động đến cơ sở, để mọi tầng lớp nhân dân vùng nông thôn được hiểu về tầm quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới và huy động cả hệ thống chính trị cùng tham gia.

5. Đài truyền thanh huyện xây dựng kế hoạch, nội dung, thời lượng và phối hợp với Đài truyền thanh xã thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền. Phòng Văn hoá - Thông tin huyện phối hợp và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch chi tiết để tuyên truyền đạt hiệu quả. Thường xuyên cập nhật, thông tin về

các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này.

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 của huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Kiên Giang;
- BCĐ CTMTQG tỉnh Kiên Giang;
- Văn phòng Điều phối NTM Tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Đủ

